

Bí mật Hàn Mạc Tử

Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi yếu đuối quá! Tôi bị cám dỗ, tôi bị phản bội lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật.

HÀN MẠC TỬ

(Tựa Thơ điên, 1938)

Trong văn học Việt Nam hiện đại, Hàn Mạc Tử (1912 - 1940) là một tác giả được tôn sùng, hâm mộ. Năm 1942, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan nhận xét: "Từ ngày Hàn Mạc Tử trỗi trần đến nay, mới khoảng hai năm trời mà người ta đã nói rất nhiều và viết nhiều về Hàn Mạc Tử". Còn tính tới lần giỗ thứ 60 của thi sĩ vào cuối thế kỷ 20 này, hàng nghìn cuốn sách và bài báo trong lẫn ngoài nước đã đề cập đến tài năng yếu mệnh ấy. Riêng các tác phẩm của Hàn Mạc Tử không những được chọn đưa vào chương trình giảng dạy ở nhà trường, mà còn liên tục được ấn hành và....bán chạy. Thế nhưng, vì lăm lý do, cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Hàn Mạc Tử vẫn tồn tại hàng loạt "bí mật", khiến gọi trí tò mò đối với chúng ta. Thời gian qua, nhờ sự nỗ lực tìm kiếm của một số người yêu quý nhà thơ quá vãng, bao điều "bí mật" kia dần dần được "bật mí". Bằng khối lượng tư liệu thu thập từ nhiều nguồn, loạt bài này hy vọng sẽ cung cấp những thông tin mà bạn đọc chưa có thể nắm được đầy đủ. TGM cộng tác viên gần xa góp phần bổ sung, hiệu đính bằng những chứng cứ xác tín về Hàn Mạc Tử để chúng ta hiểu rõ hơn, đúng hơn thân thế và sự nghiệp của một tài hoa đất Việt.

Kỳ 1: CHÍNH DANH ĐỊNH LUẬN: MẠC HAY MẶC ?

Bấy lâu, phần lớn sách báo - Trong đó có giáo khoa trung học và giáo trình đại học - đều ghi bút danh chính Trần Trọng Trí là Hàn Mạc Tử. Cạnh đấy, một vài tư liệu lại đề: Hàn Mạc Tử (không có dấu ㄣ). Vậy nên thống nhất cách viết, cách đọc bút danh/ bút hiệu của nhà thơ sao cho chuẩn xác?

Về vấn đề này, thiết tưởng cần tuyệt đối tôn trọng ý muốn của chính bản thân tác giả. Sinh thời, Nguyễn Trọng Trí tự chọn bút danh thế nào thì chúng ta hãy giữ nguyên thế ấy.

Khổ nỗi, suốt cuộc đời cầm bút, Nguyễn Trọng trí ký nhiều bút danh dưới các tác phẩm của mình. Thuở mới bước vào làng thơ, chàng ký Minh Duệ Thị. Sau đổi ra Phong Trần. Rồi đổi thành Lê Thanh. Kế tiếp là Hàn Mạc Tử. Đó là bút danh chính, ngoài ra Nguyễn Trọng Trí còn ký bút danh phụ như Lê Giang, Sông Lê, Foong Tchan (phiên âm chữ Phong Trần), P.T. (viết tắt chữ Phong Trần)...

Thế vì sao "Mạc" bỗng hoá nên "MẶC"?

Hãy nghe mẩu hồi ức do một bạn thân của Hàn thi sĩ là nhà thơ Quách Tấn (1910 - 1993) thuật lại trên tạp chí Lành Mạnh số 38 (Huế, 1.11.1959, tr.18), sau đăng lại trên tạp san Văn số 73 - 74 (Sài Gòn, 7.1.1967, tr.49):

"Hiệu Minh Duệ Thị ít ai biết. Từ nổi tiếng với hiệu Phong Trần, nhưng sau khi Từ đã quen thân cùng tôi, một hôm nhân vui miệng, tôi chê: "Tướng anh mảnh khảnh thế này, chịu sao nổi cảnh phong trần mà ước?". Một bà cụ thâm nho ở Bình Định cũng bảo rằng hiệu Phong Trần không hợp với tánh tình của Từ. Bà khuyên Từ nên đổi lại hiệu khác. Từ bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Lê Mỹ) và chữ đầu của Chánh quán (Thanh Tân), ghép lại thành hiệu Lê Thanh. Từ rất lấy làm vừa ý. Nhưng được ít lâu gặp Từ, tôi lại trêu: "Bộ anh ngó "dễ thương" mà cái hiệu Lê Thanh nghe cũng "yếu điệu thực nữ" quá! Âu tôi gọi là "cô Lê Thanh" cho thêm duyên". Từ làm thinh. Nhưng ít lúc sau lại thấy hiệu Hàn Mạc Tử. Hàn Mạc Tử là bức Rèm Lạnh. Từ cho là độc đáo, tìm đến khoe cùng tôi. Tôi cười "Kể cũng ngộ thật! Tránh kiếp phong trần lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân lại đi làm kiếp rèm lạnh. Tránh lờ chun vào lưới. Sao mà lẩn thần quá thế?". Từ

đâm khùng: "Anh này thật đa sự! không biết đặt "cái đêch" gì cho vừa lòng anh?". Tôi đáp: "Đã có rème thì thêm bóng trắng vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?". Từ hội ý, cầm bút vạch "vành trăng non" lên đầu chữ A của chữ Mạc thành ra Hàn Mạc Tử. Chỉ thêm dấu á (ă) mà đổi hẳn ý nghĩa của cả khóm chữ. Chữ Hàn thì trước kia nghĩa là Lạnh. Nhưng đi kèm với chữ Mạc là Mực trở thành chữ Hàn là bút. Hàn Mạc Tử là anh chàng "Bút Mực".

Mẫu hồi ức vừa dẫn đậm tính giai thoại, hoàn toàn chẳng có bút tích minh chứng. Trong chuyên luận Hành trang cho thơ và sự trở lại của chính mình của Hàn Mạc Tử (NXB Đà Nẵng, 1996), Vũ Hải - tức cô giáo Võ Thị Hải - đã "mạnh dạn đưa vấn đề này (vấn đề "Mạc" hay "Mặc") thành một chương chính gần như là cốt lõi trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu về Hàn Mạc Tử" (tr.29). Vũ Hải tỏ ra hợp lý khi lập luận rằng "không thể chỉ dựa vào giai thoại để thẩm định bút danh cuối cùng của nhà thơ được" (tr.31).

Thực tế thì năm 1936, in tập thơ đầu tay Gái Quê (NXB Đời Nay - lời tựa của Phạm Văn Ký), Nguyễn Trọng Trí ký bút danh Hàn Mạc Tử. Tuy nhiên sau đây, chậm nhất là từ năm 1939, nhiều văn bản còn lưu lại cho thấy nhà thơ lấy bút hiệu ngay trước là Hàn Mạc Tử.

Chẳng hạn như bản in lần đầu tiên năm 1939, tựa đề cho tập Tinh huyết của Bích Khê (NXB Đông Phương), Nguyễn Trọng Trí đã ghi rõ ở trang 19: Hàn Mạc Tử. Cần thêm rằng trong bản thảo thi tập Tinh hoa kế tiếp (dự định xuất bản năm 1944 nhưng không thành), Bích Khê dành hẳn cho bạn mình một bài thơ với tựa đề mang bút danh y hệt: Hàn Mạc Tử.

Đáng lưu ý là ngay trong tập thơ Một tấm lòng của Quách Tấn xuất bản lần đầu năm 1939, bìa cũng như ruột còn in rành rành: "Hàn Mạc Tử đề bạt" (ảnh). Cũng năm 1939, trong bức thư kèm theo bài thơ Ở đây thôn Vỹ Giã viết vào tháng 11 - nghĩa là tròn một năm trước khi thi sĩ qua đời, Nguyễn Trọng Trí ký cuối thư và cuối bài thơ: Hàn Mạc Tử. Người nhận thư và thơ là này là Hoàng Thị Kim Cúc đã giữ gìn thủ bút bao năm ròng tại nhà riêng ở Huế (sẽ đăng thủ bút trong một kỳ sau).

Lý giải chuyện "Mạc" vẫn hoàn "Mạc" thế nào đây? Giả thiết rằng giai thoại mà Quách Tấn tường thuật là sự thật, thì vì lý do của tình bạn, Nguyễn Trọng Trí chỉ sử dụng bút danh Hàn Mạc Tử một thời gian ngắn rồi quay trở lại với hiệu Hàn Mạc Tử vì thấy phù hợp với mình hơn. Đặt nhà thơ vào hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ đang đau khổ vì bệnh tật, nghèo túng và cô quạnh, Nguyễn Đình Niên đã phân tích trong công trình nghiên cứu Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mạc Tử (Tiểu luận cao học văn chương, Đại học văn khoa Huế, 1973): "Nếu xét theo tiếng đồng âm (Synonym) thì lại còn có nghĩa anh chàng nghèo mạt (Nghèo mạt rệp) hoặc chết (tử) trong sự nghèo nàn (mạc) và lạnh lẽo, cô quạnh (hàn) nữa". Bấy giờ, một bạn thân khác của Nguyễn Trọng Trí là Trần Tái Phùng ở Huế. Ông Phùng kể rằng trong bức thư Trí gửi cho mình, có đoạn viết: "Người ta thường gọi lầm tôi là Hàn Mạc Tử, phải gọi là Hàn Mạc Tử mới đúng" (Vũ Hải - Hành trang cho thơ ..., tr.37).

Qua những cứ liệu vừa nêu, dẫu chưa đầy đủ, song chúng ta cũng có thể xác định rằng Hàn Mạc Tử là bút danh mà Nguyễn Trọng Trí tự cảm thấy phù hợp nhất, tâm đắc nhất. Đây là bút danh mà nhà thơ dùng để ký hầu hết tác phẩm cũng như thư từ trong giai đoạn gần mãn đời. Sở dĩ gọi là gần mãn đời, vì từ sáng 20-9-1940, khi Nguyễn Trọng Trí vào bệnh viện Quy Hòa rồi mất tại đây chưa đầy hai tháng sau, thì chàng giấu nhem mọi chuyện riêng tây, chỉ ký tên thật kèm với thánh danh là Francois Trí - kể cả bản thảo cuối cùng bằng tiếng Pháp La Pureré de L'Âme (Tâm linh hồn thanh khiết) viết đêm 24 tháng 10 năm 1940 và cất trong túi áo cho đến lúc nhà thơ tắt thở vào ngày 11.11.1940.

Sau khi nhà thơ tài năng lìa trần, các văn bản được công bố ghi Hàn Mạc Tử hay Hàn Mặc Tử? Đây cũng là những tư liệu có ý nghĩa văn học sử, rất cần tham khảo.

Báo Người Mới, liên tiếp mấy số ra ngày 23 - 11, 30 - 11 và 7 - 12 - 1940 tập trung đăng bài thương tiếc Nguyễn Trọng Trí của bằng hữu khắp nơi, ắt là loạt ấn phẩm xuất hiện sớm nhất ngay sau lúc nhà thơ mất. Lục lại chồng báo ấy, GS Phan Cự Đệ xác nhận: "Báo Người Mới số 23 - 11 - 1940 ghi bút danh Hàn Mạc Tử trong tất cả các bài, kể cả bài của Quách Tấn" (Thơ văn Hàn Mạc Tử - Phê bình và tưởng niệm; NXB Giáo dục, Hà Nội 1993, tr.329).

Bộ sách Thi nhân Việt Nam do Hoài Thanh - Hoài Chân biên soạn năm 1941, từ bản in lần thứ nhất và lần thứ hai (Bắc Việt năm 1942) cho đến bao bản in đi in lại về sau, luôn ghi rõ Hàn Mạc Tử kèm dòng cước chú: "Hai chữ "hàn mạc" trong tự điển không có, chỉ có "Hàn Mạc" nghĩa là văn chương".

Cùng ấn hành sớm như bộ sách trên là chuyên khảo của Trần Thanh Mại, bản in lần đầu năm 1942 tại nhà in Rạng Đông (Hà Nội) đang được nhà văn Trần Thanh Địch - em ruột của Trần Thanh Mại, hiện trú tại Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh lưu giữ với bìa và ruột đề rõ: Hàn Mạc Tử, xuất bản bởi Võ Doãn Mại, 63 Pellerin, Sài Gòn. Chúng tôi cũng có tác phẩm này, bản in lần thứ năm, do NXB Tân Việt (Sài Gòn) tái bản năm 1970 dưới nhan đề: Hàn Mạc Tử thân thể và thi văn. Chẳng rõ vì sao gần đây, một số tài liệu sao lục sách của Trần Thanh Mại lại tự tiện chữa "Mạc" thành "Mặc" cả ? Tương tự như vậy, cuốn Hàn Mạc Tử, thi sĩ của đạo quân thánh giá do Võ Long Tê biên soạn, NXB Vinh Sơn (Huế) in năm 1953, về sau được in lại hoặc trích dẫn cũng xếp chữ "Mạc" thành chữ "Mặc"!

Trên bước đường nghiên cứu, với bao chứng cứ được phát hiện ngày càng đầy đặn, không ít tác giả dần thiên về cách gọi Hàn Mạc Tử. Kiên định với "chính danh" ấy, có thể kể trường hợp Phạm Xuân Tuyền - Xước danh Xirô Tuyền - một kẻ hậu sinh từng đồng bệnh với Hàn, đã điều trị ở trại phong Bến Sắn (Bình Dương), nay lành bệnh và trú tại Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Sau hơn 30 năm lò mò liên hệ nhân chứng, sưu tầm vật chứng và lặn lội khảo sát thực địa, Xirô Tuyền đã sơ bộ hoàn tất công trình Đi tìm chân dung Hàn Mạc Tử dày 500 trang đánh máy vào năm 1996 và hiện đang tiếp tục nhuận sắc, bổ sung. Chính anh là một trong những người nhiệt tình cung cấp những tư liệu quý hiếm cho chúng tôi thực hiện loạt bài mà bạn đọc bắt đầu theo dõi.

Đề tựa công trình của Phạm Xuân Tuyền, GS. NGND. Hoàng Như Mai bày tỏ: "Tôi tán thành cái bút danh Hàn Mạc Tử". Trong tư thế giao lưu và hội nhập văn hóa với toàn cầu, việc thống nhất bút danh chính của một nhà thơ Việt Nam nổi tiếng càng cần thiết. Bởi khi chuyển ngữ, nhất là phiên dịch sang một văn tự biểu ý như tiếng hoa chẳng hạn thì "sai một ly đi một dặm"! Dẫu vậy, xét thực tiễn hiện nay, việc điều chỉnh bút danh của "một đỉnh cao lòa chói trong văn học của thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ" (chữ dùng của Chế Lan Viên) còn vương vãi văn khó khăn! Nói đâu xa, ngay tám bia đá do thân quyến nhà thơ phụng lập trước mộ ở Gành Ráng/Ghề Ráng (Quy Nhơn) mà cũng khắc Hàn Mạc Tử nữa là! Ngoài trừ Tp. Hồ Chí Minh, các tên đường Đồng Hới (Quảng Bình) và ở Huế cũng không ghi khác! Duy những di tích cùng hiện vật đang bảo tồn trong bệnh viện Quy Hòa (Bình Định) - nơi nhà thơ đến chữa trị và trút hơi thở cuối - thì qua đợt tôn tạo gần đây điều đã được sửa đổi tất cả biển bảng cho hợp "chính danh" Hàn Mạc Tử. Đó là việc làm rất đáng hoan nghênh.

Với chiều hướng ấy, trong loạt bài này, trừ trường hợp thật sự cần thiết, chúng tôi luôn ghi bút danh chính thức của Nguyễn Trọng Trí là Hàn Mạc Tử - kể cả những đoạn trích dẫn.

Kỳ 2: NGUYỄN TRỌNG TRÍ PHẢI CHẴNG GỐC HỌ...NGUYỄN ?

Vấn đề gia thế của Hàn Mạc Tử cũng tồn tại lăm ly kỳ, uẩn khúc, không dễ gì tỏ tường sớm một chiều!

Hàn thi sĩ có họ tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22 - 9 - 1912 tại làng Lê Mỹ, tổng Võ Xá,

huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình; nay là phường Đồng Mỹ, thị xã Đồng Hới, Quảng Bình; trong một gia đình Kitô giáo. Thân phụ của nhà thơ là ông Nguyễn Văn Toàn, bấy giờ làm công chức ngạch thông Phán (cardre secondaire) ở đây nên thường được mọi người gọi là "thầy thông Toàn" hoặc "thầy Toàn". Thân mẫu là Nguyễn Thị Duy, một phụ nữ Huế, con gái thứ 9 của ngự y Nguyễn Long, người gốc Trà Kiệu (Quảng Nam) và ở Vạn Xuân - vùng đất thuộc mạn bắc sông Hương, nằm cạnh kinh thành Huế.

Điều đáng ngạc nhiên là tất cả chú bác của nhà thơ đều mang họ Phạm, một họ nghèo ở xứ đạo Ô Ô (Thanh Tân, Tân Sơn, Phong Sơn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế). Chỉ mỗi một mình ông bố đổi sang Nguyễn tộc, dù rằng trong gia phả vẫn chép họ tên ông bằng hai chữ: Phạm Toán. Vì sao? Bao giờ?

Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi đã tìm gặp em ruột nhà thơ Hàn Mạc Tử. Đó là ông Nguyễn Bá Tín, hiệu Thiện Nam, hiện ở trong một ngõ hẻm trên đường Kỳ Đồng, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh. Chính ông từng viết mấy tập hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi (Nxb Tp. Hồ Chí Minh 1991) và Hàn Mạc Tử trong riêng tư (NXB Hội nhà văn 1994) gây xôn xao một thuở. Cũng chính ông là tác giả loạt tranh sơn dầu hồi họa (vẽ theo trí nhớ) những cảnh sinh hoạt của anh kể mình lúc sinh thời. Loạt tranh này hiện treo trong phòng lưu niệm nhà thơ Hàn Mạc Tử ở bệnh viện Quy Hòa, Bình Định.

Ông Nguyễn Bá Tín năm nay (2000) ngoại bát tuần, mắt đã mờ, tai hơi nặng, đi đứng khó khăn, song giọng nói vẫn còn sang sảng. Tiếp chúng tôi, ông vồn vã:

- Noel năm 1788, ngay sau Hàn Mạc Tử anh tôi vừa xong bản thảo đánh máy, chưa làm thủ tục xuất bản, tôi đã biếu riêng anh một tập rồi kia mà. Trong đó tôi có viết đoạn “Một ít lịch sử dòng họ”, anh đọc xong quên ngay ư?

Đoạn ấy, chúng tôi đâu dễ quên. Nó thế này:

“Từ nhỏ, không nghe ai nói đến dòng họ của cha tôi, tuy vẫn biết nội tổ là Phạm Bồi, quê ở Thanh Hóa, lập nghiệp tại làng Thanh Tân (Thừa Thiên). Cũng không ai tìm hiểu vì sao cha tôi mang họ Nguyễn mà chú tôi đều giữ họ Phạm. Mãi đến năm 1933, mới gặp bà chị thúc bá với cha tôi là Phạm Thị Nhân (sage femme) tại Quy Nhơn và người cháu họ là Phạm Long (sergent interprète) đều cùng quê quán ở Thanh Hóa. Từ đó mới biết được tông tích dòng họ. Đến năm 1934, anh cả tôi là Nguyễn Bá Nhân tức là Mộng Châu, đem tôi đi Hà Nội tìm tộc trưởng là Phạm Thành tức là Phạm Bá Thành, tông sự tại Sở Nội dịch toàn quyền. Theo gia phả bằng chữ Hán thì dưới thời Trịnh Kiểm soán vị, gia thân thế tử Nguyễn Uông (con cháu Nguyễn Kiểm) nổi lên chống Trịnh Kiểm vì đã ám toán thế tử Uông. Thất bại trong cuộc nổi dậy đó, một số bị giết, số còn lại phải cải táng ra “Phạm” bị đày vào Nam, về sau lại lập nghiệp ở Thanh Hóa. Cuối triều Tự Đức, Pháp xâm lược Việt Nam, vua Hàm Nghi dời đô, hạ chiếu Cần Vương, đem binh vào Huế cứu giá, đồng thời đa số dòng họ Phạm cũng tham gia các phong trào khởi nghĩa. Phần nội tổ mang quân vào Thừa Thiên chống cự với binh Pháp cho đến khi Trương Quang Ngọc làm phản, nộp vua Hàm Nghi cho Pháp. Cụ giải tán binh sĩ, ném vũ khí xuống ao, lập lại, xây nhà lên trên. Cụ vào giúp việc cho cố Đồng, xây dựng nhà thờ Thanh Tân và ở lại lập nghiệp ở đó. Anh Mộng Châu khi về thăm quê nội đã được trông thấy khẩu súng hỏa mai của cụ đã rỉ sét. Từ đó, nội tổ mai danh ẩn tích tuyệt đối, dòng họ không ai tiết lộ, vì có lệnh truy nã cụ về tội đào nhiệm ở Thanh Hóa. Khi cha tôi đến tuổi đi học, cố Đồng giúp cho vào Tiểu chủng viện, lập thủ tục thay đổi họ tên. Cũng nhờ tổ mẫu thân thuộc với với cụ Nguyễn Hữu Bài có thế lực, nên mọi việc không gặp khó khăn. Sự im lặng về nguồn gốc bên nội cũng dễ hiểu, ví lúc bấy giờ, cả cha tôi và anh Mộng Châu đều là công chức Pháp thuộc, không muốn liên lụy với quá khứ Cần Vương của nội tổ. Ở Chủng viện về với chức tư (tonsuré), cha tôi ra làm việc ở tòa sứ Huế, về sau đổi vào Hội An, ông bỏ tòa sứ qua Thương chánh...”

Chưa đủ điều kiện kiểm chứng toàn bộ về tính chính xác lịch sử, song đoạn trích trên chẳng những

không giải đáp đầy đủ câu hỏi mà chúng tôi đặt ra, làm còn lại bất thêm một vài bản khoản khác.

Chẳng hạn như họ đạo Thanh Tân thuộc giáo xứ Tân Sơn, theo tư liệu 150 năm giáo hội phận Huế 1850 - 2000 (Tổng giáo phận Huế 2000, tr.114), thì thời điểm hình thành vào năm 1867 mà linh mục đặt nền móng xây dựng là Auguste Chaiget, tên Việt là cố Soái, còn cố Đồng lại là Jean Reneaud, cha sở đầu tiên ở giáo xứ Tân Mỹ thuộc vùng đầm phá huyện Phú Vang từ năm 1888, chứ chưa thấy ghi dấu gì với giáo xứ Tân Sơn trung du sau giai đoạn Nguyễn Quang Ngọc bắt vua Hàm Nghi (tháng 10 - 1888) cả. Vậy tác giả Nguyễn Bá Tín chép nhầm chăng?

Ông Tín cũng nhầm khi ghi chú chức tư là Tonsuré. Nhờ quý linh mục tư vấn, chúng tôi được biết: Trước kia, đại chủng sinh đạt Tonsuré (tính từ của danh từ Tonsure) nghĩa là mới chịu phép cắt tóc, tức nghi thức gia nhập hàng giáo sĩ; còn chức tư là acolyte - chịu phép giúp lễ.

Xét trục lịch đại, nếu theo đoạn trích trên, thì riêng gia đình Hàn Mạc Tử mang họ Nguyễn chính là sự "về nguồn" đúng đắn?

Gia đình ông Phạm Thân, chú ruột của Hàn Mạc Tử, lại truyền khẩu một thông tin khác:

- Bác Toán (họ hòng vẫn gọi Toán chứ không gọi Toàn) hồi nhỏ học giỏi nhất xứ Ô Ô. Hoàn cảnh túng bần, bác phải vô Huế, nhận làm con nuôi nhà quan ngự y để được ăn học. Nhà quan lấy giấy tờ đổi họ cho bác, để bác dễ thăng tiến. Lại còn gả con gái cung cho nữa!

Ông Tín cho chúng tôi biết rằng cụ thân sinh vốn tên Toán. Sau do có bạn đồng sự trùng tên nên tự ý đổi thành Toàn cho dễ phân biệt.

Cũng theo ông Tín, ông Nguyễn Văn Toán (Toán) kết hôn với bà Nguyễn Thị Duy và sinh hạ được 6 anh chị em, gồm:

- 1- Nguyễn Bá Nhân, còn gọi là Nhơn, tức Mộng Châu (độc thân, mất năm 1936)
- 2 - Nguyễn Thị Như Nghĩa, còn gọi là Ngãi (mất năm 1984)
- 3 - Nguyễn Thị Như Lễ (mất năm 1982, chính là nhân vật từng đi vào tác phẩm Chơi giữa mùa trăng của Hàn)
- 4 - Nguyễn Trọng Trí tức Hàn Mạc Tử.
- 5 - Nguyễn Đức Tín, sau đổi ra Nguyễn Quý Tín, rồi đổi thành Nguyễn Bá Tín để thay quyền tộc trưởng của Nguyễn Bá Nhân (?).
- 6 - Nguyễn Gia Hiếu, tức Nguyễn Bá Hiếu, em út cả nhà (mất năm 1991 tại Tp. Hồ Chí Minh).

Người ngoài thì có thể lẫn lộn hoặc thiếu sót. Như trường hợp Thái Văn Kiểm viết Đất Việt trời Nam (NXB Nguồn Sống, Sài Gòn 1960, tr.165) bảo rằng em út của Hàn Mạc Tử là ... Nguyễn Bá Tín! Chứ người trong gia đình, lại là ruột thịt, lập danh mục ắt hẳn khó nghi ngờ về độ dung sai. Oái oăm thay! thực tế trái ngược với những điều chúng ta suy luận!

Nếu có dịp ghé chơi thành phố biển Nha Trang (Khánh Hòa), chắc bạn sẽ dạo thăm một kiến trúc uy nghi và đặc sắc tọa lạc bên đường Thái Nguyên: nhà thờ chánh toà, tên thường gọi là nhà thờ Núi. Nơi đây lưu giữ rất nhiều bình tro xương của kito hữu quá cố do thân nhân ký gởi; được bày biện khá ngăn nắp. Trong số di cốt kia, bạn không mấy khó khăn khi tìm thấy tên tuổi Mộng Châu Nguyễn Bá Nhân - anh cả của thi sĩ Hàn Mạc Tử. Bạn còn nhìn thấy cạnh đó hai di cốt khác tạc chung: Nguyễn Văn Thảo (sinh năm 1922) và Nguyễn Văn Hiền (sinh năm 1923). Nào phải ai xa lạ, Thảo là em áp út, còn Hiền là em út của Hàn!

Ngày lễ các thánh năm nay, 1 - 11 - 2000, tôi đem chuyện này hỏi ông Nguyễn Bá Tín. Ông gật đầu thừa nhận:

- Anh hoàn toàn đúng. Hai đứa em tôi mất hồi 1923 - 1924, khi còn nhỏ xíu. Bởi vậy lúc viết sách, tôi đã đề sót!

Chúng tôi sẽ còn mời bạn đọc quay lại nhà thờ Núi ở Nha Trang trong một kỳ sau.

Kỳ trước, nói về các bút danh của Hàn Mạc Tử, chúng tôi chưa nhắc một cái tên "độc chiêu" mà những ai mê thơ Hàn Mạc Tử có thể sẽ nghĩ rằng người thơ phong vận như thơ ấy đời nào dám ký. Bút danh gì "dữ dằn" thế nhỉ? Trật Sên. Tiếng Bắc có từ tương đương là Tuột Xích.

Vâng, chính Hàn ký bút danh Trật Sên dưới một tác phẩm "trào phúng ... điệu" một nghị viên Viện Dân biểu Trung kỳ, đăng trong giai phẩm Nắng Xuân ra đầu năm Đinh Sửu 1937. Lúc ấy, Hàn Mạc Tử đang là "nhà báo trẻ Sài thành" vừa trở lại Quy Nhơn. Cùng tham gia giai phẩm, có nhiều gương mặt sau này trở nên quen thuộc với đông đảo bạn đọc: Chế Lan Viên, Hoàng Diệp, Xuân Khai (tức Yến Lan), Phú Sơn (tức Nguyễn Viết Lâm), Trọng Minh (tức Nguyễn Minh Vỹ, họ tên thật là Tôn Thất Vỹ)...

Bút danh đó dính dáng gì tới quan hệ bà con họ tộc của Hàn Mạc Tử, sao đời kỳ này mới nêu? Có đấy. Nhân vật trọng tâm mà Trật Sên giấu cọt trong bài báo Quan nghị... gật thuở nào chính là nghị viên Nguyễn Văn Tôn. Khi vung bút, Hàn Mạc Tử hoàn toàn không ngờ rằng Nguyễn Tú - con trai nhân vật - trong tương lai sẽ là cháu rể hiểu thảo nhà mình!

Ông Nguyễn Bá Tín lấy làm cảm kích khi kể:

- Chính Nguyễn Tú là người tình nguyện đi bốc mộ anh Trí ở Quy Hòa để cải táng vào đầu năm 1959. Nên nhớ thời đó, mọi người, kể cả cậu em Bá Hiếu đều rất sợ bệnh phong!

Ông Nguyễn Tú trú tại khu Bùi Phát (Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh), trong một lần nhắc lại kỷ niệm xa xăm ấy đã triết lý:

- Đời người, đồ ai học được chữ ngờ? Thì cứ lấy chuyện bác Hàn Mạc Tử mà suy, hậu thế vẫn cứ liên tục giật mình vì chưa thể nào nắm bắt được quy luật tồn tại của bao điều...bí mật!

Kỳ 3: THỜI HỌC SINH GẬP GHÈNH THƠ MỘNG

Thời học sinh của Hàn Mạc Tử (HMT) trải qua 3 địa phương: Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Huế. "Lần đầu tiên Nguyễn Trọng Trí (NTT) cấp sách đến trường là tại Quảng Ngãi". Trần Thanh Mai, tác giả cuốn Hàn Mạc Tử, đã ghi nhận như vậy. Ông Bá Tín, qua hồi kí HMT anh tôi, còn kể chi tiết hơn:

"Chúng tôi rời Đồng Hới năm 1921, theo cha vào Quy Nhơn, trở ra Bồng Sơn, lại trở về Quy Nhơn năm 1924 thì dời ra Sa Kỳ, một sở thương chánh lớn, cách thị xã Quảng Ngãi 12 km [thực địa thì hơn 20 km - chú thích trong móc vuông là của Phanxipăng]. Trong thời gian gia đình hay dời dờn dọc theo các cửa biển, việc học hành của chúng tôi đã bị gián đoạn. Về Quảng Ngãi mới vào học trường công lập anh Trí học lớp ba, tôi học lớp tư [tương đương lớp 2 bây giờ]. Khi còn ở Quy Nhơn, anh rất thích bắn ná cao su và bắn rất hay(...). Trong những năm học ở Quảng Ngãi, anh không thêm bắn ná cao su nữa, mà lại rất thích bắn súng. Hai anh em ở trọ nhà dựng tôi, trong nhà cũng có một khẩu Flaubert, thứ súng bắn chim như của cha tôi. Anh trông thấy thèm lắm, nhưng không dám hỏi. Vì vậy, cứ thứ năm, chủ nhật, là kéo tôi cùng về Sa Kỳ, để cha tôi phát cho mỗi đứa 3 viên đạn, mà phải đi bộ 12km, phải qua một chuyến đò, băng qua một động cát dưới trời nắng chang chang. (...). Về sau, bài văn xuôi Chơi giữa mùa trăng, anh viết về chợ Chua Me [dân quanh vùng vẫn gọi Châu Me], là động cát này. Địa phương gọi là động, một vùng rộng lớn, cát trắng phau, thứ cát ánh ngời như mảnh pha lê vụn, trải dài 4 - 5km bên bờ đại dương (...). Sau khi cha tôi mất đi, tháng 7 - 1926, gia đình tôi dọn về Quy Nhơn ở với anh Mộng Châu. Hai chúng tôi cùng

vào học trường trung Quy Nhơn [Collège de Quinhon, thành lập 1921, thực tế gồm cả tiểu và trung học, tên tiếng Việt bây giờ là Cao đẳng tiểu học Quy Nhơn, sau thành Quốc học - Quy Nhơn, nay là trường THCS Lê Hồng Phong]. Đến lớp nhất [tương đương lớp 5 bây giờ], anh Trí ra Huế học Pellerin" (trích thảo bản đánh máy, tr. 6 - 8).

Như thế, hai niên khóa 1924 - 1925 và 1925 - 1926, thi sĩ tương lai đang học lớp 3 và lớp 4 trường tiểu học công lập tại thị xã Quảng Ngãi. Còn trước đó, hai anh em Trí với Tín học ở đâu mà gián đoạn? Mới đây, ngày 27 - 10 - 2000, trên mạng điện tử VietCatholic News, lĩnh vực Trần quý Thiện cho rằng: "Bé NTT được khai tâm lớp vỡ lòng tại trường làng với các nữ tu Mến Thánh Giá giáo xứ Tam Tòa. Năm lên 9 tuổi (1921), cậu cùng gia đình theo cha di chuyển đến Bồng Sơn...". Điều này chưa đủ bằng chứng. Và, rất hiếm trẻ con thời ấy trước 9 tuổi đến lớp vỡ lòng.

Sáng thứ bảy 11 - 11 - 2000, đúng ngày tưởng niệm 60 năm HMT, chúng tôi trực tiếp nêu câu hỏi trên với ông Nguyễn Bá Tín tại tư thất. Ông cười:

- Chỉ học vỡ lòng ở cha. Cha tôi dạy. Từ năm 1921 đến 1924, hai anh em tôi theo học lớp dạy tư của thầy Chariles. Một tu sĩ hoàn tục, ở nhà riêng nằm góc đường Gia Long - Khải [nay là đường Phan Bội Châu - Lê Lợi] tại Quy Nhơn. Anh Trí với tôi chính thức học trường công là tại Quảng Ngãi. Bây giờ, học trò 12 tuổi đã lên lớp 7. Còn hồi đó, anh Trí 12 tuổi học lớp 3 chưa phải lớn lắm đâu. Trong lớp có khối anh "già" hơn. Tôi còn nhớ thầy dạy anh Trí lớp 3 ở Quảng Ngãi: thầy trợ Giác. Thầy dữ lắm, từng dùng thước kẻ đánh anh Trí sưng vù mấy ngón tay vì tội nghịch ngợm. Nhiều người không biết thời HS, anh Trí hoang nghịch thuộc loại...thượng thặng!".

Chính thời thơ ấu ở núi Ấn sông Trà, nhờ hàng tuần về hải khẩu Sa Kỳ - nơi cha làm việc - để tắm biển, săn bắn và...đùa nghịch, HMT đã tích lũy được bao hình ảnh cùng ấn tượng trữ tình để về sau sáng tạo nên Chơi giữa mùa trăng. Bạn hãy cùng chúng tôi đọc lại đôi đoạn trích từ tác phẩm ấy:

...Chị tôi liền chỉ tay về phía bên đò thôn Chùa Mo và bảo tôi rằng: "Thời rồi! Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kia, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hờ Trí?". Tôi cười: "Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bên này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn?". Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơ phất, rồi cùng lặn vào một đường lối rất lạ, chân giẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa.

...Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu tức cười ,âm sao: "Có phải chị không hả chị?". tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: "A ha, chị Lẽ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!". Ngó lại chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt. Chị tôi hí hửng như xuân, chạy nhảy xênh xang, cơ hồ được dịp phát triển hết cả ngây thơ của người con gái mười lăm tuổi...

Nhân vật nữ được nêu đích danh ở đây là Madelène Nguyễn Thị Như lễ, sinh năm 1909, chị kế của HMT - NTT. Còn thôn Chùa Mo nằm đâu? Các sách thường in cước chú: "Một làng ở cửa biển Quảng Ngãi". Đúng ra, phải là thôn Châu Me. Bến đò thôn ngay trước chợ thôn - điểm này hiện được xây dựng thành trường Tiểu học Bình Châu thuộc huyện Bình sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Chúng tôi đồ rằng trong bản thảo, Hàn viết Châu Me. Song do lỗi in ấn hoặc tam sao thất bản thế nào, Châu Me bị cải thành Chùa Mo rất đối buồn cười. Trong tác phẩm đang xét, nhân danh đều thật, hà có gì địa danh lại hư?

Không phải vô lý khi có người tin rằng con trăng Sa Kỳ huyền hoặc và quyến rũ đã khơi nguồn cảm hứng bất tận cho Hàn dệt nhiều tứ thơ đặc sắc về vàng nguyệt.

Trong tập Thơ điên, tên khác là đau thương, ở phần Hương thơm có bài Huyền ảo mà đây là khổ cuối:

Không gian đầy đặc toàn trắng cả
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng
Mỗi ánh mỗi hình thêm phiêu diêu
Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng?

Liên hệ áng văn Chơi giữa mùa trăng, Trần Thị Huyền Trang đã có suy tưởng lý thú khi viết trong cuốn HMT - hương thơm và mật đắng (NXB Hội nhà văn, HN 1997, tr.59 - 60): "Nàng có thể là một người yêu của HMT, cũng có thể chỉ là một ảo ảnh tô điểm cho thơ. Nàng nhất định không phải là chị Lẽ. Song ta thử thay chữ nàng bằng chữ chị và đọc lại thì không khỏi giật mình. Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng. Tôi cũng trắng mà chị cũng trắng..."

Vàng trắng phiêu diêu dĩ thường có ảnh hưởng gì đến việc đèn sách của học sinh (HS) NTT? Chưa rõ. Chỉ biết rằng mấy năm Hàn theo bậc tiểu học chẳng được suôn sẻ lắm! Ở đây, tưởng nên điểm qua cơ cấu lớp trường hồi ấy để bạn đọc tiện theo dõi.

Từ đạo dụ ngày 31 - 5 - 1906, chính phủ bảo hộ Pháp và triều đình Huế ấn định chế độ giáo dục mới với các bậc khởi điểm như sau: bậc sơ học, hoặc ầu học (école élémentaire) gồm lớp đồng ầu tức lớp năm (cour enfantin - tương đương lớp 1 bây giờ), rồi lớp dự bị tức lớp tư (cour préparatoire - lớp 2), tiếp theo là lớp sơ đẳng tức lớp ba (cour élémentaire). Cuối lớp ba, HS thi lấy bằng sơ học yếu lược (primaire élémentaire). Nếu đỗ, sẽ được học lên bậc tiểu học gồm 3 lớp: lớp nhì năm thứ nhất (cour moyen 1ère année) và lớp nhất (cour supérieur). Hết lớp nhất, HS thi lấy bằng yếu lược, còn gọi là Pháp Việt sơ học văn bằng (certificat d'études primaire franco-idigène). Hệ thống ấy được áp dụng trên toàn cõi Đông Dương đến năm 1945.

Vậy NTT thi sơ học yếu lược ở Quảng Ngãi như thế nào? Ông Tín không nhớ. Sau khi thân phụ Nguyễn Văn Toán (Toán) mất vào tháng 7 - 1926, gia đình chuyển về Bình Định, anh em ông cùng vào Collège de Quinhon thì trò Trí học lớp mấy trong hai niên khóa 1926 - 1927 và 1927 - 1928? Giả thiết là học tại lớp nhì năm thứ nhất, kế đó học lên lớp nhì năm thứ hai. Nếu thuở trọ học ở Quảng Ngãi, cậu học trò NTT bắt đầu luyện niêm luật thơ Đường thì mấy năm về Quy Nhơn, chàng có điều kiện xướng họa với người anh cả Mộng Châu Nguyễn Bá Nhân. Một trong những bài thuận thực đầu tay là bài Vội vàng chi lắm ký bút danh Minh Duệ Thị, họa vận bài Gởi nhận của Mộng Châu, về sau đưa vào Lê Thanh thi tập.

Mùa hè 1928, anh Mộng Châu bàn với mẹ cho em ra Huế học trường Pellerin. Theo danh bộ của trường này thì NTT nhập học năm 5 - 9 - 1928 và thôi học năm 1930. Gia đình ông Tín hiện còn giữ văn bằng Pháp Việt sơ học của anh mình. Bằng được cấp tại Huế ngày 26 - 12 - 1930 sau khi NTT đỗ tiểu học yếu lược kỳ thi tháng 6 - 1930. Như thế, ở trường Pellerin, niên khá 1928 - 1929, thi sĩ tương lai lại học lại lớp nhì năm thứ hai, sang niên khóa 1929 - 1930 thì lên lớp nhất.

Là ngôi trường tư thục do các tu sĩ dòng La Salle mở ở Huế từ năm 1904, trường Pellerin về sau được gọi thành trường Pellerin về sau được gọi thành trường Bình Linh và hiện nay là trung tâm Thanh thiếu niên Thừa Thiên - Huế, tọa lạc ở số 1 đường Lê Lợi, Tp. Huế, ngay đầu cầu ga. Ấy là một cơ sở giáo dục nghiêm túc và chất lượng, nổi tiếng một thời không chỉ ở Huế mà cả khu vực miền Trung. Bên cạnh lớp học, sân trường có luôn ký túc xá đầy đủ tiện nghi để phục vụ HS tỉnh xa về. Ông Nguyễn Bá Tín viết hồi ký HMT trong riêng tư (sdd, tr.25) cho rằng: "Những năm còn học Pellerin Huế, anh ở Bến Ngự, trọ nhà cụ nghệ Tuấn". Còn nhà thơ Hoàng Diệp (1912 - 1996) - tác giả thi tập Xác thu (NXB Nam Ký, HN 1937) và công trình biên khảo HMT (đoạt giải thưởng phê bình văn chương năm 1967 của Trung tâm Văn bút Việt Nam - NXB Khai Trí, Sài Gòn 1968) - thì nhớ khác. 20 năm cuối đời, Hoàng Diệp sống trầm lặng ở Huế. chúng tôi may mắn đã có dịp tiếp chuyện với ông, nghe ông kể:

- Minh không chỉ là bạn đồng tuế: (cùng tuổi Nhâm Tý 1912) và bạn đồng hương (cùng quê huyện Phong Điền, Thừa Thiên) mà còn là bạn đồng môn (cùng học trường Pellerin) với Hàn. Cùng học một khóa với Hàn còn có linh mục Cao Văn Luận, nguyên viện trưởng Viện ĐH Huế. Theo mình biết, những năm từ Quy Nhơn ra Huế học Pellerin, Hàn chẳng ở trọ nhà ai cả mà ở nội trú ngay trong trường í.

Nhà giáo Võ Văn Côn (tức nhà văn Châu Hải Kỳ - nay đã mất) còn lưu giữ trong tư thất ở Nha Trang một tài liệu hiếm quý: học bạ của NTT do trường Pellerin lập qua hai niên khóa 1928 - 1929 và 1929 - 1930. Học bạ viết bằng chữ Pháp. Sau đây là trang nhận xét năm học cuối gồm 2 học kỳ (HK) của Hàn: Pháp văn: Có vài tiến bộ (HK1). Chứng lại (HK2). Toán: Rất thường (HK1). Khá nhưng không đều (HK2). Khoa học: Chăm, tấn tới nhiều (HK1). Nghiêm túc, cẩn mẫn, đạt kết quả mỹ mãn (HK2), Sử địa: trí nhớ tốt, kết quả mx mãn (HK1). Khá (HK2). Vẽ và viết: Chữ viết khá, vẽ yếu (HK1). Khá cả hai môn (HK2). Việt văn: Dịch giỏi (HK1). Nhất về tập làm văn (HK2). Hiệu trưởng nhận xét: Nói chung là khá (HK1). Kết quả khá mỹ mãn (HK2).

Cũng cần lưu ý bối cảnh lịch sử của miền sông Hương núi Ngự giai đoạn Hàn đang cấp sách. Lúc ấy, nhà ái quốc Phan Bội châu (1867 - 1940) vừa được Pháp đưa về "an trí" ở dốc Bến Ngự - cách trường Pellerin một quãng ngắn. Năm 1926, Hàn chân ướt chân ráo vào học Pellerin, cũng là năm "Ông già Bến Ngự" hùng hồn diễn thuyết tại các trường Đồng Khánh và Khải Định (tức Quốc Học - Huế), khích lệ nam nữ thanh niên HS phát huy tinh thần yêu nước. Đầu xuân Kỷ Mão 1927, giới trẻ ở Huế chuyền tay nhau Bài ca chúc tết thanh niên hùng hực hào khí của cụ Phan: Đúc gan sắt để đời non lập bể/ Xối máu nóng rửa vết dơ nô lệ... Những áng văn thơ ngời sáng lý tưởng anh hùng ấy ắt chàng thanh niên NTT được nghe, được đọc và chịu ảnh hưởng ít nhiều.

Giai đoạn đó, Huế là một trong ba trung tâm báo chí đáng kể của cả nước. Gây được cảm tình nồng hậu với độc giả chính là Tiếng dân - nhật báo duy nhất tại miền Trung xuất hiện trước 1930 và lại là tờ báo đối lập chính quyền, ra số đầu tiên ngày 10 - 8 - 1927, do chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947) vừa ở tù Côn đảo về sáng lập và làm chủ nhiệm kiêm chủ bút; tòa soạn đặt ở đường Đông Ba (nay là đường Huỳnh Thúc Kháng, Huế). Chí sĩ họ Huỳnh chính là bạn vong niên của chí sĩ họ Phan. Theo hồi ức của nhà thơ Hoàng Diệp thì như nhiều HS thời đó, Hàn là một bạn đọc nhiệt thành của báo Tiếng Dân. Ở giữa xứ Thần Kinh nổi tiếng thơ mộng, hữu tình, nguồn thơ của Hàn chắc chắn càng được kích thích. Ông Nguyễn Bá Tín xác nhận: Lê Thanh thi tập gồm nhiều thơ Đường [Thơ luật Đường], phần lớn thể thất ngôn bát cú mà [Hàn] đã viết ra trong thời kỳ còn học trường Pellerin ở Huế" (HMT trong riêng tư - sdd, tr.128).

Vài tài liệu cho rằng thời HS ở Huế, Hàn thường lui tới kính viếng "Ông già Bến Ngự" và cùng xướng họa thi văn. Chuyện này đáng xét lại. Vì khi Phan Bội Châu lập "Mộng Du thi xã" để trao đổi tâm tình với đồng bào, đồng chí, thì Hàn mạo muội viết tới 3 bài thơ Thức khuya, Chùa hoang và Gáo ở chùa với bút danh Phong Trần. Lúc đó, Hàn đã trở về nhà ở Quy Nhơn. Cụ Phan rất tán thưởng, nhất là với bài đầu, bèn họa vận và cho đăng Thực Nghiệp Dân Báo số ra ngày 11 - 10 - 1931 với lời bình: "Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc âm cũng khá nhiều. Song chưa bài nào hay đến thế. Ôi! Hồng Nam, nhận Bắc, ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười lên một tiếng, ấy là thỏa hồn thơ đó."

Đọc lời khen ngợi chân tình của một bậc thanh danh lừng lững, Hàn rất sung sướng. Chàng tìm ra Huế thăm Phan Tiên sinh vào cuối năm 1931. Ấy mới là lần đầu tiên Hàn chính thức diện kiến cụ Sào Nam. Chuyến tao ngộ đã tạo ra bước ngoặt trong đời nhà thơ trẻ.

Số là bấy giờ, Hàn vừa lập thủ tục sang Pháp học tập do Hội Nhu Tây du học bảo trợ. Hội được sáng lập bởi thượng thư Nguyễn Hữu Bài - chỗ quen biết với bên ngoại của Hàn. Mật thám Pháp đánh hơi mối quan hệ "rất có vấn đề" giữa chàng với cụ Phan. Sogny - chánh Sở Mật thám Huế - gửi hồ sơ "tình nghi tên NTT tức Phong Trần" vào cho Vèran - chánh Sở Mật thám, Quy Nhơn. Kết

qua là Hàn bị rút giấy phép xuất cảnh. Con đường học hành trở thành...tuyệt lộ! Thế nhưng, con đường sáng tạo văn chương bắt đầu hé mở. Nhờ những dòng giới thiệu của Phan Bội Châu, làng thơ xôn xao về sự xuất hiện của một tài năng mang hiệu Phong Trần hoặc P.T ký kèm với địa danh Quy Nhơn...

Kỳ 4: THẦY KÝ QUÊN

"Mất cơ hội đi Pháp, mộng viễn du không thành, (...) anh trở về Quy Nhơn sống với gia đình, rồi tiếp tục làm thơ viết báo. Bạn bè ngày càng kết giao nhiều, xa cũng như gần, nhờ tiếng tăm anh được Mộng Du thi xã nhắc đến trang trọng...". Đó là hồi ức của ông Nguyễn Bá Tín về anh ruột mình - nhà thơ Hàn Mặc Tử - in trong Hàn Mặc Tử trong riêng tư (tr.30). Thời điểm này năm 1932, kinh tế Đông Dương gặp cơn khủng hoảng, cả nhà Hàn chỉ một mình trưởng nam Nguyễn Bá Nhân "chèo chống" nên không tránh khỏi khó khăn. Hàn tính chuyện đi làm để giảm bớt gánh nặng cho gia đình. Lúc ấy, ở Quy Nhơn, người gốc Huế định cư khá đông, trong số đó có thầu khoán Đỗ Phong. Ông Phong giới thiệu Hàn một chân tập sự tại Phòng Địa chính Quy Nhơn trực thuộc Sở Địa chính tỉnh Bình Định - dân gian bấy giờ vẫn quen gọi là Sở Đạc điền. Hàn được phân công làm thư ký công nhật ở bộ phận bảo tồn điền trạch. Theo ông Tín, đây là "cái việc dễ nhất, nhàn nhất và...ít tiền nhất là ngồi biên chép các tờ trích lục đã cũ, lãnh lương về chỉ đủ anh trả tiền mua báo, mua giấy và tem thư" (sđđ, tr. 31). Văn phòng làm việc mà gian nhà mà ngày nay đã trở thành tịnh xá Ngọc Nhuận, số 54 đường Ngô Quyền, Quy Nhơn.

Thù lao nhận theo chế độ "khoán sản phẩm", song công việc lúc có lúc không nên đương nhiên thừa thì giờ mà thiếu... tiền bạc. Dầu sao, cũng là viên chức nhà nước, Hàn vẫn được gọi thầy kí đặc điền!

Thừa thời gian thì chàng đọc sách, làm thơ và giao du với bạn hữu. Đọc sách, sẵn thư viện trong Hội quán (Cercle d'Etudes de Quinhon - nay là Xí nghiệp in Bình Định ở số 54 đường Tăng Bạt Hổ, Quy Nhơn) tọa lạc gần nhà chàng. Cơ sở này được linh mục Paul André Maheu (tên Việt là cố Mỹ) sáng lập năm 1922, cùng thời với nhà in và tờ Lời thăm các thầy giảng (gọi tắt là Lời thăm) - bản nguyệt san mà Hàn đang cộng tác. Linh mục Maheu, thừa sai của giáo phận Quy Nhơn, cũng chính là người đứng ra quyên góp để xây dựng trại phong Quy Hoà (cách Quy Nhơn 7 km về phía Nam) vào năm 1929.

"Hãy cho tôi biết anh thường hay đọc những sách gì, tôi sẽ nói anh là ai". Câu danh ngôn ấy thật khó vận dụng đối với nhiều trường hợp. Như Hàn Mặc Tử giai đoạn này chẳng hạn. Quách Tấn ghi nhận trong Đôi nét về Hàn Mặc Tử (tłđđ) rằng: "Từ rất siêng đọc sách. Trong quyển sổ ghi tên người mượn sách của thư viện Quy Nhơn, người ta thấy tên Từ chiếm gần nửa phần! Các bạn thân gọi bốn thằng nghiện sách". Theo trí nhớ của bằng hữu và gia đình thì Hàn đọc... tùm lum, từ sách thần học, triết học, lịch sử, địa lý đến truyện, thơ - nhiều nhất là thơ. Hàn nghiền ngẫm sách thần học, giáo lý Kitô, rồi đem ra tranh cãi với bà chị kế. Ông Nguyễn Bá Tín kể: "Chị Như Lễ có học, ít nhiều có khiếu văn chương, rất hợp với anh. Nhưng hãy ngồi lại là hay tranh cãi, nhất là cãi giáo lý và chị thường bị anh chỉ trích là Pharisiêu [đồ giả hình] (...).Tôi nghĩ là hai chị em không có đề tài để nói chuyện ngoại trừ tranh cãi giáo lý" (Hàn Mặc Tử anh tôi - sđđ, tr.26). Qua trao đổi trực tiếp, ông Tín còn cho chúng tôi biết thêm:

- Giai đoạn anh Trí học Pellerin (Huế) rồi trở lại Quy Nhơn thì tôi vào Sài Gòn học trường Chasseloup Laubat nghỉ hè mới về thăm gia đình. Lúc đó, anh rất mê đọc thơ và làm thơ. Anh đọc nhiều thơ Pháp, nhất là Baudelaire (1821 - 1867) và các tác giả thuộc trường phái đặc trưng như Mallarmé, Valéry...Lại thấy anh đọc cả Breton [André Breton [André Breton, Pháp, 1896 - 1966, ông tổ trường phái siêu thực]. Làm thơ thì chủ yếu là thơ [luật]. Đường xướng họa với anh Nhơn [Bá Nhân], thỉnh thoảng tôi cũng tham gia cùng hai anh...

Chế Lan Viên đề tựa tập Thơ Hàn Mạc Tử (Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa Bình 1987) còn nhớ: "Tôi thường đọc Baudelaire: Sois sage ô ma douleur et tiens - toi plus tranquille! (Hãy ngoan hỡi em đau thương và em đứng yên nào!)". Tuy nhiên, trong một bức thư gửi Hoàng Trọng Miên sau này (6 - 1939), Hàn bộc bạch: "Miên có hỏi Trí về quan niệm thơ. Đối với Trí quan niệm tất khác thường, không giống Baudelaire lắm"...

Về thơ phú thuở ấy, thầy ký đặc điền tuổi đôi mươi lại ông anh cả Mộng Châu - "một nhà thơ Đường luật sành nghề" theo đánh giá của Quách Tấn - tiếp tục chỉ bày những "kỹ năng kỹ xảo" cầu kỳ cổ điển. Bài thất ngôn bát cú Cửa sổ đêm khuya của Hàn, về sau đưa vào Lê Thanh thi tập, được nhiều khác biệt vì lối chơi tổ hợp "thuận nghịch độc" công phu. Bài này có thể đọc 4 cách: đọc xuôi; đọc ngược; bỏ 2 chữ sau rồi đọc ngược; bỏ 2 chữ trước rồi đọc xuôi. Cũng lối chơi độc đáo đó, Hàn thuở ấy còn có bài Đi thuyền viết theo kiểu "thủ vĩ ngâm" song chưa được phổ biến mấy. Vậy dựa theo ký ức của ông Nguyễn Bá Tín, xin chép ra đây:

Bèo trôi nước dợn sóng mênh mông,
Cỏ mọc bờ xa bóng liễu trông.
Chèo vững thiếp qua vời khổ hải,
Giữ bền chàng đến vận trung không.
Theo lần nguyệt xé mây mù mịt,
Họa đáp thông reo trống náo nùng.
Neo thả biết đâu nơi định trước,
Bèo trôi nước dợn sóng mênh mông.

Xem qua cách xử lý chữ nghĩa như trên, chắc bạn đọc sẽ hoàn toàn nhất trí với ý kiến Hoài Thanh - Hoài Chân nêu trong sách Thi Nhân Việt Nam (NXB Hoa Tiên tái bản, Sài Gòn 1967, tr.205), rằng: "Cái khuôn khổ bó buộc của luật Đường có lẽ không tiện cho sự nảy nở một nguồn thơ rào rạt và lạ lùng như nguồn thơ Hàn Mạc Tử". Rất may, đúng thời điểm 1932 đó, "cuộc cách mệnh về thi ca đã nhóm dậy" và nhanh chóng "bành trướng mãnh liệt" với tên gọi là Thơ Mới. Lẽ tất nhiên. Hàn cùng bạn bè mình nồng nhiệt hưởng ứng "dòng thơ mạnh nhất trong những dòng thơ đi xuyên qua thời đại". Không những thế, rồi đây Hàn còn khơi mở một chi lưu của dòng thơ kia với nhãn hiệu đầy ấn tượng: Trường thơ Loạn.

Bạn bè của thầy ký đặc điền ở Quy Nhơn bấy giờ gồm những ai? Đồng trang lứa thì có Hoàng Tùng Ngâm, Lê Đình Ngâm, Bửu Đáo... Ngoài ra, chàng còn giao du với một số trí thức văn chương như nhà giáo Trần Cảnh Hảo, thầu khoán Bùi Xuân Lang...

Thầy giáo Trần Cảnh Hảo dạy văn - sử - địa ở Collège de Quinhon. Dạy cùng trường với ông có cử nhân Mai Xuân Viên, phụ trách môn Hán văn. Hai ông nằm trong ban giám khảo cuộc thi thơ năm 1933 được tổ chức tại phố biển này. Thầy Hảo đề nghị bổ sung một thành viên vào ban giám khảo: thầy ký Trí. Thấy chàng trẻ quá, thầy cử Viên lấy làm ngạc nhiên. Thầy Hảo liền giới thiệu chàng chính là Phong Trần từng được cụ Phan Bội Châu ca ngợi thi tài, thì ai nấy đều khâm phục. Ban tổ chức quyết định chọn một bài của chàng để ra đề: bài Đàn nguyệt. Gần trăm người đủ độ tuổi, cự học lẫn tân học, từ nhiều nơi về ứng thí. Kết quả: giải nhất trao cho bài họa của Tạ Linh Nha, người Quảng Ngãi. Quanh bài thơ thất ngôn bát cú Đàn nguyệt của Hàn, ông Nguyễn Bá Tín cung cấp một số thông tin:

- Trong nhà, tôi biết chơi đàn tranh với đàn nguyệt, chứ anh Trí hoàn toàn chẳng biết đàn địch chi cả. Nhưng anh mê nhạc lắm. Bài vịnh cây đàn nguyệt ký bút hiệu Lê Thanh, anh viết tặng "mệ" Dung. Một ca sĩ kiêm cầm thủ dòng dõi hoàng tộc ở Huế hồi đó. Bài thơ thật hay, nghe nói cụ Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu rất thích.

Thời gian ấy, Hàn bắt đầu quen Quách Tấn qua thư. Tác giả Mùa cổ điển thuật lại: "Mùa xuân 1993,

nhân được nghỉ phép, Từ đi cùng gia đình bà Bùi Xuân Lang lên Đà Lạt tham tôi. Vui mừng khôn xiết tả, tôi xin nghỉ mấy hôm đưa Từ đi xem thắng cảnh"...(tldd). Bài thơ Đà Lạt trắng mờ rất nổi tiếng của Hàn, đã được nhiều nhạc sĩ phổ thành ca khúc, cũng theo Quách Tấn thì "tuy mãi về sau Từ mới làm song nguồn hứng đã khơi từ những ngày đến Đà Lạt".

Một người bạn đồng lứa với Hàn vừa nhắc ở đoạn trên là Hoàng Tùng Ngâm. Nhân vật ấy bây giờ còn là bạn đồng nghiệp vì đang cùng làm chung bộ phận bảo tồn di sản. Thầy ký Ngâm lại là cháu ruột tham tá Hoàng Phùng - giám đốc Sở Đặc điền Quy Nhơn. Ngày ngày, sau giờ làm việc, Hoàng Tùng Ngâm về trú ngụ cạnh nhà người bác. Hàn thường ghé thăm Ngâm và...sững sờ khi trông thấy bên nhà giám đốc một "quốc sắc thiên hương" thấp thoáng vào ra. Hỏi, thì biết đó là ái nữ của "sếp". Họ tên nàng là Hoàng Thị Kim Cúc. Thăm yêu trộm nhớ nàng, Hàn cảm...

Kỳ 5: THÁNG NĂM HÀNH NGHỀ “NÓI LÁO”

Dân gian thường bốn cột : “Nghề báo nói láo ăn tiền”. Ấy thế mà trước nay khá đông người rất thêm lao vào cái nghề gọi là nói láo", để rồi ngã ra rằng "làm báo khó thay!". Trong số này có thầy đặc điền Nguyễn Trọng Trí tức Hàn Mạc Tử.

Độ ấy, làng báo nước nhà nổi lên một cây bút sung sức và sắc sảo : Lãng Tử, với loạt phóng sự điều tra Phù dung và nhan sắc, Nợ văn...Lãng Tử còn là một nhà thơ mang hiệu Thúc Tề. Mấy bài thơ Trăng mờ, Em buồn, Xuân lên đường của Thúc Tề trở nên phổ biến sau khi đăng trên Hà Nội báo và rồi càng quen thuộc với bà đọc từ lúc Hoài Thanh - Hoài Chân tuyển bài đầu vào bộ Thi nhân Việt Nam. Lãng Tử, tức Thúc Tề, họ tên thật là Nguyễn Thúc Nhuận, sinh ngày 17 - 10 - 1916 ở Huế, từng học Collège de Quinhon và Lycée Khải Định (trường THPT Quốc Học - Huế hiện tại), giai đoạn 1938 - 1945 chủ báo Mai và Đông Dương ở Sài Gòn. Như thế, Thúc Tề sảng sảng đồng lứa, lại đồng hương và đồng môn với Hàn Mạc Tử. Qua manh mối của Thúc Tề, Hàn mạnh dạn khăn gói lên đường vào Nam làm báo. Đó là mùa thu năm 1935.

1935 là năm có hàng loạt báo chí ra mắt hoặc tục bản: nhật báo Điện Tín (số 1 phát hành ngày 15-1), tạp chí Partout (23-1), bán tuần báo Tràng An (1-3), tuần báo Nghe Thấy (25-4), tuần san Đàn Văn (16-5), nhật báo Dân Quyền (20-6), báo Mai (5-8), tuần báo Công Dân (25-9), tuần báo Tân Thời (17-11), nhật báo Đuốc Nhà Nam bộ mới (2-12), tuần san Kiến Văn (29-12)...Báo chí ra nhiều, đương nhiên cần đông người viết. Mà Sài Gòn đóng vai trò trung tâm truyền thông đại chúng hàng đầu. Rõ ràng Hàn nhập cuộc đúng thời điểm và địa điểm. Với Hàn lúc đó, "thiên thời" cùng "địa lợi" coi như tạm ổn, còn yếu tố "nhân hòa" thì sao?

Trong cuốn Hàn Mạc Tử (sdd), Trần Thanh Mai cho rằng Hàn vào Sài thành và cùng mấy anh em làm báo mướn chung một gian trên căn gác tồi tàn ở số 107 đường Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn, Q.1, TP. Hồ Chí Minh): "Thường thường thì chúng cả thấy bốn người, nhưng có khi đông hơn. Chúng không mua nổi ghế bố, cũng không có chiếu, nên đêm đêm cứ quét sạch sàn ván, trải nhật trình cũ ra, ngay chỗ cạnh ngoài đường (...). Chúng cho rằng ở như thế mới nên thơ và lấy làm tự mãn về cuộc sống của mình. Khi nào chúng muốn viết văn hay làm thơ, chúng cứ việc nằm sấp lại và nhờ ánh sáng của một ngọn đèn đường cách đây bacay me (...). Kể ra một bọn làm báo, nhưng kỳ thực chỉ có một mình Hàn Mạc Tử là có chỗ làm rồi, còn ra thì là những người đang đợi việc, hay cũng cứ tin thế để nuốt hột cơm của bạn cho nó trôi, chứ suốt đời họ cũng không làm cho một tờ báo nào (...). Một người đã sống với Hàn Mạc tử trong cuộc đời chia sẻ ấy đã hạ bút viết một câu như thế này: Đời của Trí có thể toát yếu lại trong hai đặc điểm: bản vô thiên số và không bao giờ mất lòng anh em. Thật quả như vậy, Hàn Mạc Tử có một quan niệm rất cổ quái về sự giữ phép vệ sinh. Ấy là một kẻ mà quần áo mặc chót tháng không thay và thân hình suốt năm không hề tắm gội..."

Ông Nguyễn Bá Tín, qua hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi (sdd, tr.17), đã trách Trần Thanh Mai viết thế

có phần nặng tay. Không phải về "hai đặc điểm" của anh mình, mà về "bạn làm báo" ở 107 đường Espagne lúc bấy giờ. Riêng chúng tôi, sau khi phối kiểm những tư liệu có được, thì thấy trong đoạn trích trên ít nhất đã sai lệch một chi tiết: "kỳ thực chỉ có một mình Hàn Mạc Tử là có chỗ làm rồi". Sự thật thì trong "4 chàng ngự lâm pháo thủ", mỗi Hàn tập tễnh vào nghề báo, chứ ba ông bạn đều ổn định công việc ở các tòa soạn từ trước. Thúc Tề thì chúng ta đã biết. Hoàng Trọng Miên - tác giả bộ Việt Nam văn học toàn thư (NXB Tiếng Phương Đông, SG 1973) và là em ruột của nhà biên soạn từ điển Thanh Nghị tức Hoàng Trọng Quy - lúc ấy đang làm phóng viên cho hai tờ Dân Quyền và Renaissance Indochinoise. Việt Hồ, họ tên thật Hồ Viết Tự, là họa sĩ chuyên thiết kế bìa và trình bày cho tuần báo Tân Văn, thi thoảng cộng tác tranh hí họa với nhiều tờ khác. Đồng cảnh ngộ "tha phương cầu thực", bốn anh em sống đùm bọc yêu thương nhau. Cả bốn cũng từng được Hàn đưa vào phóng sự vui Quan nghị ... gặt (ký bút danh Trật Sên) với cách xưng hô bổ bã thân tình: "thằng Tự, thằng Nhuận, thằng Miên và thằng...tôi".

Những ngày đầu tiên đến Sài Gòn, Hàn chưa có việc làm, tạm thời "ăn nhờ ở kẻ" với ba người bạn. Chàng trai 23 tuổi nhiều phen ngẩn ngơ vì...nhớ mẹ! Bài thơ đầu tiên Hàn làm ở phương Nam lòng lộng nắng gió mang tiêu đề Giang hồ nhớ mẹ bấy lâu chưa công bố, gần đây được phục hồi theo trí nhớ của ông Nguyễn Bá Tín:

Mình không hò hẹn bước giang hồ,
Lưu lạc quê người mới khổ cho.
Nước chảy thương thân bèo bọt nổi,
Mây bay nhớ mẹ sớm hôm chờ.
Thằng con bất hiếu đi đành đoạn,
Trời đất vô tình lại đả đo.
Muôn dặm non Tàn xa thăm thẳm,
Ý chừng chim nhạn biêng đưa thư.

Vẫn thất ngôn bát cú Đường luật! Chính giai đoạn này, tại Sài Gòn, trực tiếp cọ sát trong trường văn trận bút, Hàn mới thực sự chuyển đổi phong cách: từ thơ cũ sang Thơ Mới. Lưu ý rằng năm 1935, sau hơn hai năm đấu tranh quyết liệt, Thơ Mới đã giành được ưu thế và bắt đầu "tính sổ" thơ cũ trên nhiều phương diện ngôn luận. Một sự kiện gây xôn xao văn giới là nữ sĩ Nguyễn Thị Mạnh Mạnh (họ tên thật Nguyễn Thị Kiêm), từng lên diễn đàn tại Hội Khuyến học Sài Gòn cực lực tán dương Thơ Mới hồi tháng 7-1933 thì lần đầu năm 1935 lại tiếp tục đăng đàn diễn thuyết tại địa điểm cũ đề quyết "hạ đo ván" thơ cũ. Trước và sau thời điểm đó, báo chí trong Nam và ngoài Bắc ầm ầm ủng hộ "cô gái đầu tiên lên diễn đàn" nhằm khẳng định phần thắng thuộc về Thơ Mới. Còn Quách Tấn - một "đại biểu cho lối thơ xưa, từng nằm trong thế hệ Thơ Mới hồi đó" như nhận định của Nguyễn Tấn Long trong Việt Nam thi nhân tiền chiến (quyển trung - NXB Sống Mới, SG 1972, tr.666) - lại phát biểu: "Hàn Mạc Tử vốn từ địa hạt thơ Đường luật bước sang địa hạt Thơ Mới, cho nên tuy vui duyên mới mà vẫn không quên hãnh tình xưa. Thịnh thoảng Tử cũng có làm đôi bài thơ Đường luật. Theo chỗ nhận xét của tôi, thì thơ Đường luật Tử làm sau này có phần trội hơn trước, phần nghệ thuật cũng như phần tình tứ" (tập san Văn, SG 7-1-1967).

Hàn gia nhập làng báo bằng lối nào? Ông Nguyễn Bá Tín viết Hàn Mạc Tử trong riêng tư (sdd, tr. 32-34), ghi nhận: "Lang thang ở Sài Gòn ít hôm, anh được Thúc Tề, Trọng Miên giới thiệu với Hồng Tiêu, em sao đó của bà Bút Trà, tay kinh doanh nghề báo chí. Trọng Quy và Trọng Miên đang viết cho tờ Trong Khuê Phòng của bà Bút Trà, mời anh phụ trách trang văn chương. Anh vừa viết vừa chữa bài và các bản in, nên họ gọi anh là thầy cò (correcteur)...".

Thế là Hàn từ thầy ký biến thành thầy cò - nhân viên chấm morasse (sửa lỗi) cho tòa soạn. Song, không phải tòa soạn Trong Khuê Phòng như ông Tín nhớ, mà là tờ Sài Gòn. Lý do đơn giản: Tờ Trong Khuê Phòng do nhóm Thanh Nghị, Trọng Miên, Thúc Tề, Trần Thanh Địch...thực hiện vào năm 1940 kia. Theo tư liệu của Bưu Đáo, thường ký là Bưu Đáo Ái Mỹ, một trong người bạn của

Hàn, thì tạp chí Trong Khuê Phòng do Thanh Nghị chủ biên từ năm 1939, Nhà văn Trần Thanh Dịch kể:

- Nói cho đúng, Thanh Nghị làm *secrretaire de la rédaction* [thư ký tòa soạn] của tờ Trong Khuê Phòng. Thoạt đầu, tôi ở Huế gửi bài cộng tác. Sau liên tục vào ra, vừa giúp Thanh Nghị công việc tòa báo, vừa tranh thủ ghé thư viện Lagrandière [Thư viện Quốc gia II bây giờ] để đọc sách. Anh em vẫn bảo rằng Hàn hồi vào Sài Gòn làm ở tờ Sài Gòn, trước thì chằm morasse, sau được giao phụ trách trang văn chương.

Nguyên nhật báo Sài Thành xuất hiện từ ngày 2-3-1932, đến ngày 3-5-1933 đổi tên là Sài Gòn và mãi sau còn ra bộ mới vào ngày 18-11-1963. Báo này, ông bà Nguyễn Đức Nhuận, tự Bút Trà, làm chủ nhiệm; tòa soạn đặt tại 39 đường Colonel Grimaud (nay là đường Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh). Làm ở đây, theo Trần Thanh Mai thì mỗi nửa tháng Hàn được nhận lương 20 đồng, còn theo Hoàng Diệp thì lương cả tháng của Hàn là 35 đồng - nghĩa là gấp nhiều lần lương thư ký đặc điền ở Quy Nhơn. Vậy nhưng, lọt thỏm vào "cái cối xay..tiền" là thành phố Sài Gòn, mức lương ấy vẫn khiến Hàn chật vật.

Theo phóng sự Nợ văn của Thúc Tề (NXB Tân Việt, HN 1941), cánh nhà báo thuở đó có tiếng lóng rất buồn cười: chó rượt. Vần gọn, chó rượt là túng đói. Mà Hàn với bạn hữu bị chó rượt dài dài - mặc dù ngài công việc chính ở tòa soạn, họ còn đều đặn có bài cộng tác với các báo khác. Ông Nguyễn Bá Tín viết Hàn Mạc Tử riêng tư (sdd, tr. 38) nguyên văn thế này: "Ở Sài Gòn, nhờ anh viết cho nhiều tờ báo, nhuận bút rộng rãi. Có tháng anh kiếm được gần trăm đồng, nhưng sắm sửa cho nhu cầu riêng anh, ngoại trừ bộ đồ "tuuytsxo" tơ Delignon, cái mũ Panama cổ hữu và đôi giày "veecni" đen, anh không sắm sửa gì hơn nữa, năm ba cái sơ mi, áo lót quần đùi là đủ. Chỉ thỉnh thoảng mới mua bộ đồ ngủ, bị tiệm giặt xiết khi phải trả thiếu tiền, mà không tháng nào anh trả đủ được".

Bị có rượt te tua, nhưng lỡ "phải lòng" một hồng nhan nào đấy thì Hàn vẫn cứ..."vung tay quá trán". Giai đoạn này, qua báo chí, Hàn "kết" Mộng Cầm ở tit tận Phan Thiết. Từ 1936, mỗi cuối tuần, chàng vượt xấp xỉ 200km, để thủ thi tâm tình với ý trung nhân. Thường thì đi về bằng tàu hỏa. Nhưng nghe đâu có lần nổi máu "xài sang", Hàn sẵn sàng thuê bao ô tô khứ hồi lang thang tìm tới chốn lầu trang. Ông Nguyễn Bá Tín thuật lại:

- Biết chuyện, tôi lấy làm thắc mắc, không rõ anh Trí đã sống khó khăn vậy thì lấy đâu mà "chơi bánh"? Vả vai tôi, Thúc Tề cười: "Mi nghĩ có cuộc chi tiêu nào chính đáng hơn? Tài tử giai nhân té ngổ nan mà! Không tốn sao được?".

Có một chi tiết lý thú mà Hoàng Diệp từng chép trong chuyên luận Hàn Mạc Tử (sdd, tr. 78): rời Quy Nhơn vào Sài Gòn làm báo, Hàn xách một va li gồm áo, quần, giày, mũ và mền len. Cái mền (chăn) đó của bà chi (chị Lễ?), Hàn năn nỉ mãi mới mượn được, Chi bảo: "Tôi biết tính cậu rồi; cậu hứa trước đến Tết này, cậu nhớ mang mền về trả lại cho tôi". Hàn trịnh trọng hứa. Nửa năm sau, đúng đêm trừ tịch (Tết Mậu Tý 1936), chàng mới trở về với...hai bàn tay không! Hỏi cái va li và chiếc mền đâu, Hàn cười: "Dạ có, đồ "ba-ga [[bagage: hành lý] sẽ đến sau". Ngày lại ngày, đồ ba-ga chẳng bao giờ thấy! Trần Thanh Mai soạn sách Hàn Mạc Tử (sdd) còn đẩy chi tiết ấy tới ngưỡng... hài kịch. Ông ghi lời đáp của Hàn về hành lý: "con gửi lại Sài Gòn. Con về ít hôm thăm mẹ và ăn Tết, rồi đi ngay". Bồi "hạ màn" bằng ảnh gây ấn tượng: "Chàng ở lại ăn Tết suốt một năm; và hành lý gửi đâu, vẫn không thấy đòi về". Thực tế, sau Tết đó, Hàn quay lại Sài Gòn làm báo và...ngược xuôi Phan Thiết như chúng ta đã biết. Giữa năm 1936, Hàn mới "trở về mái nhà xưa". Vì sao?

Nhiều thư tịch cho rằng thời điểm ấy, Hàn tự cảm thấy sức khỏe sa sút (tuy chưa xác định bệnh gì), bèn bỏ về Quy Nhơn. Lý do chưa thỏa đáng lắm. Vì nhà thơ Hoàng Diệp lúc đó cũng có mặt ở Quy Nhơn, nhớ rằng: "Cuối năm 1936, chàng lại lên đường đi làm báo ở Huế. Chàng viết giúp cho báo

Tràng An (trụ sở đặt tại nhà in Đắc Lập ngõ qua cầu Trường Tiền)...Nhưng chuyến đi này chẳng khác chuyến đi trước, chỉ đem lại một kết quả rất mong manh cho đời người nghệ sĩ. Trong thời gian ấy thỉnh thoảng chúng tôi mới nhận được một bức thư của chàng ca ngợi vẻ đẹp của trăng Huế, nước Huế, của các cô gái Huế..." (sdd, tr.79-80). Chính trong năm 1936, trên báo Tràng An, Hàn giới thiệu thơ Chế Lan Viên. Đây cũng là thời điểm đáng nhớ của Hàn: chàng xuất bản: Gái quê - thi tập đầu tay hoàn toàn theo bút pháp Thơ Mới - nhờ ông anh cả Mộng Châu (bấy giờ làm thầu khoán tại Phú Yên) tài trợ.

Sáu thập niên sau, năm 1996, chúng tôi hỏi nhà văn Trần Thanh Địch chuyện xưa. Tác giả tập truyện Thay màu cho xác chết ôn tồn đáp:

- Năm 1936, tôi đang ở Huế và phụ trách mục "Trò đời" của báo Tràng An. Tôi quen rồi thân Hàn vào cuối năm đó, từ khi Hàn tặng tôi tập thơ Gái quê mới in xong. Có thể nói rằng tôi là người đầu tiên viết bài khen ấn phẩm đầu tay của Hàn. Bài này in báo Tràng An của Huế, chứ không phải đăng trên tờ Sao Mai ở Vinh như Phạm Xuân Tuyền ghi sai trong bài Ba người tuổi Tí bên nhà thơ tuổi Tí [đăng nguyệt san Công giáo và dân tộc số 20, tháng 8-1996; sau in vào sách Đi tìm chân dung Hàn Mặc Tử NXB Văn học, HN 1997, tr.119]. Nếu tôi nhớ không nhầm thì cuối năm đó, Hàn ra Huế chỉ một thời gian ngắn rồi trở lại Quy Nhơn liền à!

Xâu chuỗi loạt sự kiện theo thứ tự biên niên, có thể tin nhà văn Trần Thanh Địch không nhầm, ít nhất là đối với chi tiết vừa nêu. Bởi lẽ, như chúng tôi dẫn ở kỳ 2, đầu năm 1937 tại Quy Nhơn Hàn Mặc Tử đã cùng Nguyễn Minh Vũ, Hoàng D-iệp, Chế Lan Viên, Nguyễn Viết Lâm, Yên Lan... tham gia thực hiện giai phẩm Nắng Xuân. Giai phẩm có chạy dòng chữ: Sách chơi xuân năm Đinh Sửu 1937 do Nguyễn Trọng Trí, 20 Avenue Khải Định, Quy Nhơn xuất bản.

"Làm báo phải học nghề đấy!". Ấy là lời Hàn khẳng định trong giai phẩm Nắng Xuân. Như vậy, cái nghiệp dĩ "nói láo mà chơi, nghe láo chơi" của Hàn đâu chỉ dừng ở mốc 1936 như nhiều tài liệu trước nay đã viết?

Kỳ 6: ĐI TÌM CHÚ TIỂU ĐỒNG THUỞ NƠ

Năm 1987, Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Nghĩa Bình (nay là Quảng Ngãi vùng Bình Định) thực hiện tuyển tập Thơ Hàn Mặc Tử. Đề tựa ấn phẩm ấy, qua bài Hàn Mặc Tử, anh là ai?, nhà thơ Chế Lan Viên mấy lần nhắc đến nhân vật tên Hành. Một ở đoạn mở đầu: "...em Hành đem cơm cho anh [chỉ Hàn Mặc Tử] trong suốt bốn năm trời anh phung hui và trước khi vào Quy Hòa để qua đời trong đó, nghe đâu, Tử đã sụp lạy cảm ơn em". Rồi ở đoạn kết: "Nhưng lạ chưa, nhớ nhất là tôi nhớ đến chú Hành, cậu bé có tên mà hóa vô danh, nhưng mà bốn năm trời cậu vẫn hằng ngày chăm sóc, đem cơm cho Tử. Gặp Hành lúc nào cũng thấy Hành cười! Quá chú ý đến tri kỷ, tri âm mà quên người ân nhân này đi là điều không phải đâu, hồi các nhà viết sách sau này về Hàn Mặc Tử"

Vào "mùa đông Mậu Thìn" (1988?), tại TP. Hồ Chí Minh, lúc khởi thảo cuốn Hàn Mặc Tử anh tôi (sdd), Thiện Nam Nguyễn Bá Tín dành hẳn chương VI đề cập về người vừa là ân nhân vừa là người em thúc bá kia. Xin trích ít dòng: "Chú tiểu đồng mà các bạn Hàn Mặc Tử hay nhắc đến tên trong các tập hồi ký về nhà thơ bất hạnh là Phạm Hành. Em Hành sinh năm 1924, con thứ ba chú ruột tôi là Phạm Thân, vào Quy Nhơn ở với chúng tôi để đi học từ năm 1934 (...). Cuối năm 1937, khi tôi đổi lên Đà Lạt làm việc, chú Thân vào thăm anh Trí, lúc bấy giờ đã đau nhiều rồi, trong nhà lại vắng người, không ai chăm sóc anh. Chú bảo em Hành nghỉ học, ở nhà giúp đỡ anh Trí (...). Phạm Hành đó, ngày nay đã 65 tuổi [tính đến năm 1989 chẳng?], sống khỏe mạnh và vô bệnh tật tại Huế [?], thỉnh thoảng lại vào thăm chúng tôi [?]..."

Hỏi địa chỉ Phạm Hành, chúng tôi được ông Nguyễn Bá Tín cho biết ở một...chỗ khác: giáo xứ Mỹ Chánh thuộc xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Nhân đợt đi công tác miền Trung

vào mùa hè năm 1995, lần đầu tiên chúng tôi đã tranh thủ gặp "chú tiểu đồng" thuở nào của Hàn thi sĩ.

Nhỏ thó. Gầy gò. Mắt sáng. Tóc muối tiêu. Đó là lão nông Phạm Hành. Biết chúng tôi từ xa ghé thăm để tìm thêm tư liệu về Hàn Mạc Tử, ông vui vẻ mời vào nhà - ngôi nhà tranh vách đất tuềnh toàng dựng giữa nương chè cần cỗi - và gọi các cháu đun nước pha trà tiếp khách. Ông cười hiền lành:

- Cách đây lâu lâu, anh Tín trong Sài Gòn viết thư ra hỏi tui chuyện anh Trí để soạn sách. Sách in xong, anh gửi biểu tui một quyển đây nì.

Mở tủ, lấy ấn phẩm Hàn Mạc Tử anh tôi, ông tiếp:

- Tài năng của dòng họ tui dồn hết ở anh Trí. Mà cả dòng họ chỉ cần một người nổi tiếng như anh cũng đủ vinh hạnh rồi.

Chúng tôi gọi lại chuyện xưa và nghe ông kể:

- Hồi nhỏ, tui hiếu động lắm tè! Thích trèo cây, câu cá. Thích nhất là đi xe đạp. Những ngày anh Trí lách mình chữa bệnh ở xóm Động [sân bay quân sự Quy Nhơn trước đây, nay đã xây phố xá], xóm Tấn [cảng Quy Nhơn bây giờ], Gò Bồi [Tuy Phước], Gành Ráng, thì bác gái phải tui theo săn sóc cho anh. Lúc nớ, nhà rất neo đơn. Chị Ngãi và chị Lễ đã có gia đình đình riêng. Anh Tín làm việc trên Đà Lạt, sau đổi sang Lào. Anh Hiếu thì suốt ngày đánh cờ tướng và có vẻ...sợ lây bệnh hủi! Người ta xì xào: Anh Trí cùi hủi. Tui nỏ [không] sợ. Vì có thấy anh lở lói chi mô? Mấy ngón tay anh hơi đơ đơ, chắc do viết nhiều. Trên má anh có nổi cái bớt nhỏ, hồng hồng. Hàng ngày, tui đạp xe bới cơm nước từ nhà tới cho anh, rồi anh lệnh mần chi thì mần nấy: mua bút giấy, mua sách báo, đem thư đi bỏ bưu điện...Mần chi cũng xong, miễn là được đi xe đạp. Tui còn giặt giũ cho anh và giúp anh tắm nữa. Anh Trí nhác tắm ghê! Mỗi lần cởi áo quần ra, tui thấy da anh hiện mấy vết bầm đỏ. Trong nhà nói anh bị bệnh "đơn" [!]. Tới khi anh Bửu Đông, chồng chị Ngãi, đưa anh vô nhà thương Quy Nhơn rồi chuyển lên trại Quy Hòa, tui cũng đi theo. Tui còn nhớ rõ hôm anh Trí đi Quy Hòa, chỉ có hai người lên xe hồng thập tự cùng với anh: bác gái [bà Duy - mẹ của Hàn] và tui. Hôm nớ, bác gái mặc cái áo dài màu đà [nâu], tui thì ôm bọc vải trắng đựng áo quần và sách vở của anh...Tới hồi quay lại nhà, bác không nói không rằng nhưng nước mắt ràn rụa!

Thế trước khi Hàn Mạc Tử phát bệnh bản thân bị mắc bệnh hiểm nghèo và đi lánh, chàng sống trong nhà số 20 Khải Định (nay là 67 Lê Lợi, Quy Nhơn), liệu "chú tiểu đồng" còn nhớ gì không? Ông Phạm Hành lại móm mém cười:

- Nhớ chớ. Anh Trí cả ngày tiếp bạn, ngâm thơ, bàn chuyện làm báo... Anh nhiều bạn lắm, nhưng năng tới chơi thì có anh người Huế, tên Anh [tức nhà thơ Hoàng Diệp]. Bạn gái của anh, tui chỉ thấy một o người Bắc [tức nữ sĩ Mai Đình] tới thăm mấy lần, kể cả khi anh đi lánh bệnh. Sau khi anh mất, tui đọc sách báo mới không ngờ anh Trí có số... đào hoa!

Ông Hành lại hồi tưởng về giai đoạn Hàn Mạc Tử lánh bệnh đó đây - giai đoạn anh đứng cách xa hàng thế giới mà đau khổ vì phải tách rời xã hội và sống mòn trong một vũng cô liêu cũ vụn đời:

- Buồn, anh làm thơ và ngâm thơ, viết thư rồi trông thư, nhiều đêm thức trắng. Lúc nớ, cái chi cũng thiếu; nên anh quý giấy và tem lắm. Có lần bị mất một con tem, anh quay quắt suốt mấy ngày, lơ cả cơm! Nhưng nhiều lúc anh vui "dễ sợ". Anh hát hò, đùa giỡn, kể chuyện hoang. Tui hợp anh cái tính...ngịch ngợm! Anh cũng rất thương tui, thường dạy tui học chữ, làm toán, đôi lúc giảng về thơ cho tui nghe nữa. Còn chuyện trước khi vô Quy Hòa, anh sụp lạy cảm ơn tui là không có mô! Anh em với nhau, ai mà làm rửa?

Những ngày Hàn vào bệnh viện như thế nào? Hãy nghe ông Hành tường thuật:

- Mới đầu vô nhà thương Quy Nhơn [nay là Sở Y tế Bình Định ở số 54 đường Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn], anh Trí nằm trong khu cách ly. Anh Bửu Đông làm y tá tại đó, xin cho tui ở lại để chăm nom anh Trí. Khoảng mười bữa sau [chính xác là 12 ngày, từ 8 đến 20 - 9 - 1940], có xe hồng thập tự chuyển anh lên trại phung Quy Hòa. Lên đây, đầu tiên các soeur phụ trách bố trí anh nằm phòng tập thể, sau thì sắp xếp cho anh tỉnh dưỡng phòng riêng [phòng 2 người]. Hàng tuần, tôi đạp xe từ Quy Nhơn lên Quy Hòa để bới thức ăn bồi dưỡng cho anh, có thư từ hay sách báo chi thì đem luôn. Có lần đạp xe thả dốc, xe đứt phanh [thắng], cả tui với xe bay tòm xuống suối. Đồ ăn văng hết trơn. May mà xe chưa gãy! Tới hồi gặp anh, tui khai thiệt, anh lo lắng hỏi tui có bị thương không, biết nó hèn chi thì anh cười, chả màng tới chuyện ăn uống. Trong Quy Hòa, nhiều bệnh nhân cùi lở loét, chứ mô phải lành lặn như anh. Tui thấy ghê ghê, nhô nước miếng thì anh cấm. Anh nói đừng làm rứa, vừa mất vệ sinh, vừa thiếu tôn trọng người bất hạnh. Ngày nọ, như thường lệ, bới đồ ăn vô Quy Hòa cho anh Trí, tui sững sờ khi nghe nói anh Trí chết rồi! Lạy chúa! Ba chân bốn cẳng, tui quỳnh quáng đạp xe về nhà báo tin. Mai lại, bác gái cùng chị Lễ vô Quy Hòa, lúc đó người ta đã tẩm liệm và chôn cất anh Trí. Cũng năm đó, năm 1941, tui trở lại quê nhà (giáo xứ Thanh Tân ở Phong Điền, Thừa Thiên - Huế) sau gần 8 năm vào Quy Nhơn. Năm năm sau [1946], tui cưới vợ và dời ra Mỹ Chánh đây sinh sống.

Chúng tôi hỏi:

- Thấy ông Tín viết rằng thỉnh thoảng chú có vào Sài Gòn thăm, đúng không ạ?

Chú Hành lắc đầu:

- Từ năm 1941 tới chừ, tui chưa hề gặp mặt anh Tín. Tiền mô mà vô Sài Gòn? Ngay cả Quy Nhơn, tui rất muốn quay lại dù chỉ một lần để viếng mộ anh Trí mà cũng không có điều kiện!

Bà Phong, vợ ông Hành nói thêm:

- Máy năm trước, ông nhà tui đổ bệnh lao phổi! May có sự giúp đỡ của cha xứ Hoàng Kính và bà con chòm xóm, gia đình mới đưa ông vô Bệnh viện Trung ương Huế nằm chữa chạy một thời gian...

Trước và sau chuyến chúng tôi thăm hỏi ông Hành, được biết cũng có một số người đi tìm "chú tiểu đồng" thuở nào của Hàn Mạc Tử. Ngày 14-3-1996, nhà giáo Mai Văn Hoan (người Quảng Bình và dạy tại trường THPT Quốc Học Huế) ra Mỹ Chánh gặp ông Phạm Hành rồi sau đó viết những dòng ghi nhận đăng trên tạp chí Cửa Việt số 45 (Quảng Trị, tháng 6-1998): "Phải đặt trong hoàn cảnh vào cái thời mà mọi người ai cũng sợ, không dám đứng gần người phong hủi mới thấy hết tấm lòng yêu thương của chú Hành đối với người anh con bác ruột đang cần được chăm sóc, an ủi. Con người vô danh ấy đã sống một cuộc đời bình lặng, âm thầm chịu đựng mọi bất hạnh, khó khăn, vất vả, thiếu thốn. Và hơn 60 năm trôi qua, con người ấy vẫn giữ nụ cười đôn hậu...".

Mới đây nhất, đêm Noel năm 2000, chúng tôi liên lạc bằng điện thoại từ TP. Hồ Chí Minh ra Quảng Trị để trao đổi với linh mục Phêrô Hoàng Kính - quản xứ Mỹ Chánh. Linh mục Kính cho hay:

- Thời gian qua, nhờ dăm bài báo viết về ông Phạm Hành nên lác đác có người đến thăm và có nghĩa cử giúp đỡ. Tuy nhiên, mọi sự chỉ mang tính chất... tượng trưng. Hoàn cảnh ông Phạm Hành, như anh biết đó, vẫn chưa thoát khỏi cơ cực, túng quẫn. Tội nghiệp! Biết làm cách chi cứu giúp gia đình "chú tiểu đồng" của Hàn Mạc Tử một cách thật hiệu quả bây chừ?

Kỳ 7: SỰ THẬT TỪ MỐI TÌNH HOÀNG HOA...

Kỳ trước, chúng tôi có nhắc qua "cái thuở ban đầu lưu luyến ấy" của mối tình đầu mà Hàn Mạc Tử dành cho cô gái Huế họ Hoàng. Đó là vào năm 1933, giai đoạn chàng đang làm thầy ký đặc điền ở phổ biến Quy Nhơn. Trong Đôi nét về Hàn Mạc Tử (tldd), Quách Tấn ghi nhận: "Khi Tử làm sở đặc điền Quy Nhơn, Tử có yêu một tiểu nữ ở cùng một con đường - đường Khải Định - biệt hiệu là Hoàng Cúc".

Nàng có họ tên đầy đủ là Hoàng Thị Kim Cúc, ái nữ của tham tá Hoàng Phùng - bấy giờ đảm trách chức vụ giám đốc Sở Đặc điền Quy Nhơn. Với nguồn gốc, chúng tôi chưa hề thấy Hoàng Thị Kim Cúc mang biệt hiệu Hoàng Cúc bao giờ cả. Biệt hiệu nàng là Hoàng Hoa. Có lẽ bắt nguồn từ những câu thơ Hàn viết thuở tương tư nàng. Như bài tứ tuyệt Hoa cúc:

Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa,
Sương đầm trắng lồng bóng thướt tha.
Vẻ mặt khác chi người quốc sắc,
Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta.

Hoặc rõ rệt hơn là trong bài Sao, vàng sao - bấy nay được lưu hành dưới tiêu đề Đừng cho lòng bay xa - mà Hàn từng gửi "tiểu thư khuê các":

...Trời nhật nguyệt cầu vòng bắc tứ phía,
Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây,
Hương ân tình cho kết lại thành dây,
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu...

Sinh thời, Hoàng Thị Kim Cúc thảnh thơi cũng sáng tác thi ca và ký bút danh Hoàng Hoa (hoặc Hoàng Hoa thôn nữ, hoặc H.H).

Hoàng Thị Kim Cúc sinh ngày 5 - 12 - 1913 (mùng 8-11 năm Quý Sửu). Hàn sinh năm Nhâm Tý 1912 hơn nàng 1 tuổi. Khoảng cách tuổi tác như thế, theo quan niệm dân gian quả rất xứng đôi vừa lứa: "Nhất gái hơn 2, nhì trai hơn 1". Lứa thì vừa đây, song chàng với nàng chẳng hề "đôi lứa xứng đôi" - dấu chỉ xứng đôi trên tình trường như nhiều người bấy lâu ngộ nhận. Sự nhầm tưởng kia, trở trêu thay, lại xuất phát từ những hồi ký do thân bằng quyến thuộc của Hàn viết và công bố sau khi Hàn mất! Để bạn đọc nắm rõ sự thật vấn đề, chúng tôi xin sao lục mấy lá thư của chính người trong cuộc là Hoàng Thị Kim Cúc.

Thư đề này 13-3-1971 gửi Quách Tấn: "...Hồi đó Tử thường đến chơi với Hoàng Tùng Ngâm là em chú bác với tôi). Bạn Ngâm đông lắm. Trong gia đình tôi, không ai để ý đến bạn của Ngâm. Câu chuyện tâm tình của Tử, trừ Ngâm ra, cũng không ai biết. Tôi được biết trước khi thầy tôi sắp về hưu, do một người bạn khác nói lại, chứ không phải Ngâm...".

Thư đề ngày 15-4-1971 gửi Quách Tấn: "...Hồi ấy tuy nhà Tử ở gần tôi, song Tử và tôi cách xa nhau như hai ngọn núi, Tử thì kín đáo và bền lèn như con gái, còn tôi thì bí mật và xa lạ như cung trăng! Tuy thế Tử cũng đã tìm cách để gặp, nhưng rồi vẫn chưa toại nguyện (...). Năm 1936, khi Tử ở Sài Gòn về Quy Nhơn, tôi vẫn còn ở Quy Nhơn đến mấy tháng sau mới về Huế..."

Thư đề ngày 15-10-1971 gửi Quách Tấn: "...Về tuồng cải lương [vở tuồng Hàn Mạc Tử của soạn giả Viễn Châu] thì tôi được biết do đoàn Dạ Lý Hương đóng vào đầu năm 1970 (hồi đó tôi vào Sài Gòn được nghe nhiều người kể lại, trong đó có BS. Lê Khắc Quyến kể nữa) và lần lượt đã trình diễn trên tivi khoảng mấy tháng sau tại các tỉnh miền Trung. Họ đã diễn tả đúng đoạn văn của ông trong tập Văn số 73 trang 93 [hồi ký đôi nét về Hàn Mạc Tử, tldd]. Nghĩa là họ diễn đoạn Tử nhờ người đến cầu hôn bị ông bà thân nhà gái từ chối, hát huì, vì lẽ Tử không xứng mặt đồng sàng! Cô Cúc không có trong vở tuồng, không xuất hiện trên sân khấu chỉ có ông bà thân của cô và Tử thôi.

Ông bà đã lột hết tài nghệ phơi bày rõ rệt tâm địa của con người chỉ biết tiền, ham danh vọng, khinh miệt người, hống hách... Như vậy, ông đã thấy rõ, vì động chạm sai lạc đến thầy mẹ tôi và Tử nên tôi mới lên tiếng, chứ không phải vì tôi!".

Thư đề ngày 16-10-1987 gửi Nguyễn Bá Tín - em ruột Hàn: "...vào đầu năm 1936, sau khi ông trợ Cát là cậu tôi ghé nhà chơi, lúc ra về bỏ quên thư của Tử gửi cho cậu tôi mà nội dung chỉ nói về chuyện tâm tình của Tử. Tử có tới gặp tôi 2 lần; lần đầu chỉ nói bằng quơ vài câu rồi chào về. Lần thứ 2, Tử mạnh dạn trong dáng điệu rụt rè, lấp bắp mấy lời tỏ tình, rồi đưa tặng tôi tập thơ Bằng khuâng với mảnh giấy nhỏ có mấy hàng chữ. Tôi bàng hoàng rồi cũng rụt rè từ chối, không nhận sách, không nhận thư (...). Gần cuối năm 1936, khi Tử về dự Hội chợ Huế, mang theo một xấp Gái quê vừa in xong, có gặp tôi cùng đi với anh em tôi trong Hội chợ. Tử đưa tặng anh em tôi mỗi người một tập, có đề chữ tặng, không tặng tôi mà chỉ yên lặng nhìn! Mấy hôm sau, Ngâm cho biết: Tử có về nhà tôi ở Vỹ Dạ mà lại đứng ngoài ngõ nhìn vô, rồi từ đó chúng tôi không gặp nhau, lại không thư từ, thăm viếng, hứa hẹn, mỗi người một ngả, cách xa nhau như hai ngọn núi (...). Nếu không có bức thư ông trợ Cát để quên ở nhà tôi thì có lẽ tôi vẫn đứng dung vô sự. Và Ngâm cũng không nói gì với tôi về mối tình của Tử. Ngâm thấy không thể giấu được nên mới kể đại khái rằng: "Trí nó cảm chị lâu rồi, từ hôm chị bán gian hàng ở hội chợ của Tòa sứ Quy Nhơn tổ chức (...). Trí đã nhờ Ngâm đưa thư cho chị, Ngâm không đưa. Trí nhờ nói với chị về nỗi lòng, Ngâm từ chối. Trí làm thơ tặng chị đăng trong báo Phụ nữ Tân Văn, Ngâm cất mấy bài thơ vừa rồi mới đưa báo cho chị (...). Thật tội cho thằng Trí! Nó kể cho em nghe nhiều nhiều, mà Ngâm đâu có nói gì với chị, vì Ngâm không muốn làm bận rộn tâm trí chị, khi thấy chị chưa nghĩ gì về chuyện yêu đương!". Thật thế, lúc đó tôi đã 21 tuổi rồi [21 tuổi ta, 20 tuổi tây, tức là vào năm 1933] mà sao còn quá ngơ ngác!..."

Thư đề ngày 11-5-1988 gửi Hoàng Toại - anh cả của Hoàng Thị Kim Cúc: "...Lâu nay em chưa có dịp kể cho anh nghe và em cũng không kể cho ai hết, tuy thế đã có nhiều người biết chuyện, biết qua sách báo sai lạc, biết qua sự phỏng đoán và tưởng tượng của họ. Câu chuyện xảy ra trên nửa thế kỷ rồi anh nợ, em cũng im lặng cho nó đi qua, vì câu chuyện thuộc về dĩ vãng. Không ngờ mấy năm sau đây mấy nhà viết sách tìm tòi moi móc, moi những chuyện không đúng sự thật như bài báo của Kiêm Đạt ở bên đó [Mỹ] mà anh đã cắt gửi về cho em coi chẳng hạn (...). Hồi em ở Quy Nhơn với ba, Hàn Mạc Tử có đề ý đến em, nhờ Ngâm hỏi ý kiến em, Ngâm không hỏi. Anh ấy kiếm cách gặp em kể lẽ nỗi niềm, em thấy trước là câu chuyện không đi đến đâu nên từ chối. Câu chuyện chỉ có chừng nấy, em yên trí là không liên quan gì với nhau nữa, không dè thi sĩ cứ thâm yêu trộm nhớ, làm thơ rồi nhờ bạn bè tặng sách báo cho em, em vẫn cứ im lặng, không trả lời trả vốn (...). Sau khi Hàn Mạc Tử qua đời, Ngâm mới kể rành mạch nỗi lòng của Hàn Mạc Tử đối với em. Em hết sức cảm kích và vô cùng ngậm ngùi. Anh có nhớ hồi anh làm ở văn phòng nào đó, ông Trần Tái Phùng cũng làm một chỗ với anh, một hôm anh đi làm về, đưa cho em một tờ giấy nhỏ có ghi hai câu thơ của Hàn Mạc Tử do ông Trần Tái Phùng đưa cho anh đem về hỏi em. Hai câu thơ đó là: Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá / Muốn ôm hôn Cúc ở trong sương. Em xem xong chỉ cười mà không trả lời (...). Hôm nay em mới kể câu chuyện tâm tình đó với anh, kể ra cũng quá chậm, song chắc anh cũng hiểu tâm trạng em mà hoan hỷ cho em (...). Kha Anh, Kha Em hay Em Nhỏ thì có biết chuyện, song cũng biết lơ mơ vì em không nói chi hết; mấy em ở trong nhà cũng chỉ biết qua sách báo (...). Trong gia đình, anh là người đầu tiên mà em kể chuyện tâm tình của em..."

Qua trích đoạn 5 lá thư của người trong cuộc, ắt bạn đọc đủ cơ sở để kết luận: mối tình đầu Hàn dành cho Hoàng Hoa chỉ là tình đơn phương. Trao đổi với chúng tôi về chuyện này, nhà văn Trần Thanh Định nhận định:

- Năm 1941, ngay sau khi Hàn qua đời, anh Trần Thanh Mai soạn sách Hàn Mạc Tử [sdd] đã có đoạn kết tiên đoán rất đúng: "Tôi vẫn biết trước, trong một ngày không lâu, người ta sẽ dành nhau cái vinh dự xây dựng cho thi sĩ Hàn Mạc Tử những chiếc Thánh giá vĩ đại, đến cả những lăng tẩm nguy nga nữa". Tham dự một số buổi lễ kỷ niệm Hàn Mạc Tử được tổ chức đó đây trong thời gian qua, chắc anh đã chứng kiến cảnh mấy phụ nữ tranh nhau tự nhận là "nàng thơ", là "tình nhân" của thi sĩ quá cố. Thối đời mà! Thế nhưng, chị Cúc thì khác. Chị không nhận những gì mình không có. Tôi cho đó là đức tính trung thực đáng quý. Và nhiệm vụ của các cây bút ngày nay là hãy cố gắng đem "cái gì của César trả lại cho César".

Thiết tưởng cần soi sáng thêm đôi điểm về nhân thân Hoàng Thị Kim Cúc cùng một vài nhân vật liên quan từng được đề cập trong 5 bức thư trên. Biết đâu đôi điểm này lại có khả năng là một trong những "chìa khóa" giúp chúng ta "giải mã" phần nào hành trạng và tác phẩm của Hàn thi sĩ.

Nhiều người dân Huế hiện tại vẫn còn nhớ Hoàng Thị Kim Cúc ít nhất ở hai cương vị: nhà giáo kiêm nữ cư sĩ (tu trì Phật giáo tại gia). Lật các tuyển tập Đồng Khánh mái trường xưa do Ban liên lạc cựu học sinh Đồng Khánh - Huế (nay là trường THPT Hai Bà Trưng) thực hiện từ năm 1992 trở đi, chúng ta thường bắt gặp những dòng hồi ức của bao thế hệ học trò về "hình ảnh dịu dàng, vóc dáng nhỏ nhắn, vui vẻ ân cần nhưng cũng rất nghiêm khắc của Hoàng Thị Kim Cúc, cô giáo đầu đàn của bộ môn nữ công gia chánh thời ấy" (trích bài viết của Võ Thị Tiểu Kiều - tldd). Hoàng Thị Kim Cúc cũng là tác giả bộ sách Món ăn nấu lối Huế do NXB Khai Trí (Sài Gòn) ấn hành năm 1970, sau này NXB Phụ Nữ (Hà Nội) và NXB Đà Nẵng in lại.

Thời ấy, nếu đến trường Đồng Khánh được các nữ sinh kính cẩn thưa "cô", thì lúc ra đường, Hoàng Thị Kim Cúc thường được nhiều thanh thiếu niên gọi thân tình bằng "chị". Đó là cách xưng hô phổ biến đối với các nữ huynh trưởng Gia đình Phật tử Việt Nam (GDPTVN - Tiền thân là đoàn Thanh niên Đức Dục và Gia đình Phật hóa phổ được thành lập tại Huế vào thập niên 1930). Mà chị Cúc là huynh trưởng phó ban hướng dẫn trung ương GDPTVN, phụ trách ngành nữ từ năm 1947. Như vậy, cư sĩ không chỉ tu tại giảm còn tích cực hoạt động xã hội. Chúng tôi đã gặp chị Cúc lần đầu tại đồi thông chùa Từ Hiếu (Huế) trong hội trại mang tên Hoài Nhân do GDPTVN tổ chức năm 1974. Sau đó, chúng tôi đôi lần ghé thăm chị ở nhà riêng tại Vỹ Dạ (Huế) mà lần cuối cùng là lúc chị nằm thoi thóp trên giường bệnh sau vụ tai nạn giao thông xảy ra tại TP. Hồ Chí Minh ngày 11-8-1988 rồi được chuyển về Huế ngày 23-9-1988. Ngày 3-2-1989, tức 27 tháng chạp Mậu Thìn, Hoàng Thị Kim Cúc - pháp danh Tâm Chánh - lìa trần, hưởng thọ 76 tuổi. Lễ di quan diễn ra ngày 15-2-1989, nhằm ngày 10 tháng giêng Kỷ Ty. Lúc ấy, chúng tôi ở TP. Hồ Chí Minh nên không dự được. Vậy xin dẫn đoạn tường thuật đám tang Hoàng Thị Kim Cúc đăng trên tạp chí Sông Hương số 2 - 1990: "Có lẽ đó là một trong những đám tang lớn nhất ở Huế gần đây mà tôi [Mai Văn Hoan] được biết. Đoàn xe tang nối dài từ Đập Đá đến trường Quốc Học. Quanh xe tang dính nhiều câu đối ca ngợi phẩm hạnh người vừa khuất. Tôi còn nhìn thấy nhiều bài thơ Đây thôn Vỹ Dạ [của Hàn Mặc Tử]...".

Ngoài ông anh cả là Hoàng Toại định cư ở nước ngoài, Hoàng Thị Kim Cúc còn có mấy anh ruột tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève 1954: Hoàng Xuân Tuỳ (nguyên thứ trưởng Bộ Giáo dục), Hoàng Hoan Nghinh (nguyên Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ta tại Philippines). Người em ruột Hoàng Tế Ngộ ở lại Huế, sau này "thủ tù" trong ngôi nhà mà chị Cúc từng sinh sống.

Anh em chú bác của Hoàng Thị Kim Cúc có Hoàng Tùng Ngâm vốn là bạn thân cùng tuổi Nhâm Tý 1912 và cùng làm chung Sở Đặc Điền Quy Nhơn với Hàn. Sau năm 1954, Hoàng Tùng Ngâm tập kết ra Bắc, đổi tên là Hoàng Thanh Trai và từng làm đại sứ nước ta tại Sri Lanka, Ai Cập; đầu năm 1976 thì mất ở Hà Nội. Năm 1939, chính nhờ "xúc tác" của Hoàng Tùng Ngâm, Hàn đứ hững khởi sáng tạo một số áng thơ tặng Hoàng Thị Kim Cúc - trong đó có Ở đây thôn Vỹ Dạ, bài thơ gây nhiều tranh luận bấy nay...

Kỳ 8: ...ĐẾN BÀI THƠ "Ở ĐÂY THÔN VỸ DẠ"

Năm 1992, ba cuộc hội thảo lớn được tổ chức ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh nhằm nhìn lại và đánh giá 60 năm phong trào Thơ Mới. Ban tổ chức đã đề nghị các nhà thơ, nhà nghiên cứu - lý luận - phê bình bỏ phiếu chọn những bài Thơ Mới hay nhất. Kết quả cuối cùng: Ở đây thôn Vỹ Dạ của Hàn lọt vào "top 18". Quanh bài thơ nổi tiếng này, lâu nay rộ lên nhiều cuộc tranh luận sôi nổi - nhất là từ khi tác phẩm được Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định đưa vào giảng dạy chính thức trong chương trình lớp 11 bậc THPT. Theo dõi các cuộc tranh luận đó, chúng tôi nhận thấy một số chi tiết bị nhầm lẫn rất đáng buồn. Tại sao? Có nhiều lý do. Hai trong những lý do quan trọng là thiếu thực tế và thiếu tư liệu tham khảo cần thiết.

Điều nhầm lẫn phổ biến đầu tiên nằm ở... tiêu đề bài thơ! Nguyên tác, Hàn viết Ở đây thôn Vỹ Dạ chứ không phải Đây thôn Vỹ Dạ như sách báo - kể cả giáo khoa và giáo trình - vẫn in. Địa danh có thể chỉnh sửa cho thống nhất về chính tả: Vỹ Dạ thay vì Vỹ Dạ. Còn chữ Ở hà có gì bị lược bỏ? Nhà văn Trần Thanh Định nhận xét:

Chữ Ỗ được Hàn dùng có chủ đích. Đọc kỹ bài thơ mới thấy chữ đó nhấn mạnh đến thôn Vỹ: Ỗ đây sương khói mờ nhân ảnh... Tùy tiện "biên tập" cả "titre" mà không được tác giả ưng thuận là chuyện tối kỵ. Chuyện như vậy xảy ra không ít đối với tác phẩm của Hàn! Như bài Sao, vàng sao - một bài thơ khác mà Hàn gửi tặng chị Cúc - lâu nay cứ bị "chụp" cái tên Đùng cho lòng bay xa.

Cả hai bài thơ vừa nhắc đều được Hàn Mặc Tử đưa vào tập Thượng thanh khí, chứ chẳng phải tập Thơ điên (tức đau thương). Đây là một nhầm lẫn khác mà đa số tuyển thơ hoặc bài thơ vẫn mắc. Trong cuốn Thơ Hàn Mặc Tử và những lời bình (NXB Văn hóa Thông tin, HN.2000, tr. 283), Mã Giang Lân lại cho rằng Ỗ đây thôn Vỹ Dạ vốn in lần đầu ở giai phẩm Năng Xuân năm 1937. bài thơ Hàn hoàn tất năm 1939, liệu có thể công bố trước hai năm được?

[Tương tự Mùa Xuân chín, bài thơ Ỗ đây thôn Vỹ Dạ mang vẻ đẹp "trong trẻo" và thể hiện bằng giọng điệu "bình tĩnh", nên thậm chí có người - như Vũ Quần Phương qua lời tựa tập Hàn Mặc Tử - thơ với tuổi thơ (NXB Kim Đồng, HN.2000, tr.5) - tin rằng đây là một sáng tác thuộc giai đoạn đầu của Hàn, giai đoạn thân chưa phát bệnh và thơ chưa phát "điên". Thật ra, Hàn lúc này đang đau khổ lán mình với nguồn thơ ứa mãi hai hàng lệ rồi lâm chung sau đấy đúng một năm tròn!]

Hiểu rõ xuất xứ cùng hoàn cảnh sáng tạo tác phẩm, ắt sẽ góp phần giúp bạn đọc tiếp nhận bài thơ đúng hơn. Do đó, chúng tôi xin sao lục thêm 3 đoạn thư liên quan do chính người trong cuộc là Hoàng Thị Kim Cúc gửi bày.

Thư đề ngày 15 - 4 - 1971 gửi Quách Tấn: "...Về cô gái trong câu Lá trúc che ngang mặt chữ điền mà ông hỏi có phải là tôi đó không. Thưa ông, bức ảnh đó chỉ là bức ảnh phong cảnh, không có cô gái nào khác ngoài cô gái chèo đò. Cô gái mà ông hỏi đó là do sức tưởng tượng của thi nhân mà hiện ra thôi. Số là mùa hè năm 1939, Ngâm viết thư về Huế cho biết Tử bị mắc bệnh nan y. Ngâm khuyên tôi nên viết thư thăm Tử, hãy an ủi một tâm hồn đau khổ. Thay vì viết thư thăm, tôi gửi một bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái carte-visite [danh thiếp]. Trong ảnh có mây, có nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm sức khỏe Tử, mà không ký tên, rồi gửi nhờ Ngâm trao lại. Sau đó một thời gian, tôi nhận bài thơ Ỗ đây thôn Vỹ Dạ và một bài thơ khác nữa cũng do Ngâm gửi về (bài này các sách báo đều đăng cả rồi) [tức là bài Sao, vàng sao]. Không ngờ sức tưởng tượng của thi nhân quá khác thường đến biến bức ảnh phong cảnh đó thành bức ảnh bên Vỹ Dạ lúc hùng đông hay một đêm trăng, trong đó có cô gái Lá trúc che ngang mặt chữ điền nữa! Khiến có người đã nghĩ rằng cô gái đó mặc áo trắng dài tha thướt vì câu Áo em trắng quá nhìn không ra..."

Thư đề ngày 16 - 10 - 1987 gửi Nguyễn Bá Tín: "... Năm 1938, Ngâm cho biết Hàn Mặc Tử mắc bệnh nan y(...) Xiết bao ngậm ngùi thương cảm. Thương cho người tài hao lâm đại nạn! Cảm tấm lòng yêu thương thiết chân thành của Tử đã dành riêng cho tôi! Một thời gian sau, Ngâm đề nghị: lúc này, chị nên an ủi Trí(...) Xa xôi quá, không biết làm gì khác hơn là viết mấy hàng chữ hỏi thăm sức khỏe Tử, viết mà không chữ ký, không đề ngày, sau tấm ảnh phong cảnh Huế, gởi nhờ Ngâm trao lại. Rồi mấy tháng sau, Ngâm gửi về cho tôi bài thơ Ỗ đây thôn Vỹ Dạ với mấy hàng chữ sau lưng bài thơ vào tháng 8 - 1939. Giữa Hàn Mặc Tử và tôi chỉ có chừng này..."

Thư đề ngày 11 - 5 - 1988 gửi anh cả Hoàng Toại: "...Đến khi nghe anh ta [Hàn] mắc bệnh nan y, em rất xót thương cho người tài hoa bạc phận và để an ủi một tâm hồn tha thiết yêu thương đang vô cùng đau khổ, em gởi cho anh ta hai dòng chữ hỏi thăm sức khỏe viết trên một tấm cát 6 x 9 [cm] phong cảnh thành phố Huế, ảnh mua ở nhà chụp bóng Tăng Vinh. Sau khi nhận được bức phong cảnh đó thì anh ta gửi bài thơ Ỗ đây thôn Vỹ Dạ tặng em. Thư đi thư về đều qua tay Ngâm chuyển, chứ em không trực tiếp gửi. Và sau mấy hàng chữ thăm sức khỏe và sau khi nhận được bài thơ Hàn Mặc Tử tặng, em cũng nín luôn, không thư từ gì cho thi sĩ nữa, qua năm sau (1940) thì được tin Hàn Mặc Tử mất tại Quy Hòa..."

Bài thơ Ở đây thôn Vũ Dạ cùng bức thư của Hàn đã được Hoàng Thị Kim Cúc trân trọng giữ gìn tại nhà riêng. Đó là tờ giấy pelure mỏng, một mặt chép bài thơ, mặt kia ghi mấy dòng thư. Rất may mắn được chị Cúc lúc sinh tiền cho xem tận mắt, chúng tôi chú ý mấy điểm: bài thơ gồm 3 khổ thì khổ cuối trong thủ bản nằm cách biệt với hai khổ đầu, cuối bài thơ, tác giả ký Hàn Mạc Tử rồi đề 11 - 1939 (chứ không phải 8 - 1939). Còn bức thư thì nguyên văn như sau:

Túc hạ,

Có nhận được bức ảnh bên Vũ Dạ [sic!] lúc hừng đông (hay là một đêm trăng?) với mấy hàng chữ túc hạ gửi thăm. Muôn vàn cảm tạ. Túc hạ còn nhớ đến người năm xưa, thế là phúc hậu lắm rồi. Mong ơn trên xuống lộc cho túc hạ thật đầy. Và mong rằng một mùa xuân nào đây sẽ gặp lại túc hạ phi dạ. Thăm túc hạ bình an vui vẻ.

Hàn Mạc Tử

Dưới bút danh Hoàng Hoa, Hoàng Thị Kim Cúc đã âm thầm sáng tác một số thơ, trong đó có những bài "đề tặng hương hồn anh HMT" như bài dưới đây viết vào đầu xuân Tân Ty 1941 - nghĩa là sau khi Hàn mất chưa đầy năm và cách nay tròn vòng hoa giáp:

Bao năm hoa sống nơi thôn Vũ
Thầm giữ trong lòng một ý thơ
Cũng biết cách xa ngoài vạn dặm
Tình anh lưu luyến cảnh quê mơ
Một mình một với trời mây
Vội cả đau thương với hận này
Anh khéo lột hết tài nghệ sĩ
Tiếng vang muôn thuở vẫn còn đây
Hồn anh lẫn khuất ở đâu xa
Hoa biết cùng ai thổ lộ ra
Tuy sống giữa cảnh đời náo nhiệt
Tình ai ai vẫn cứ đậm đà!

Nếu chỉ đọc qua bài thơ của Hoàng Hoa thôn nữ, lại thấy nàng suốt đời độc thân và bảo lưu kỹ lưỡng thủ bút Hàn thi sĩ, mà chưa đọc thư từ Hoàng Hoa viết hoặc chưa nghe Hoàng Hoa bộc bạch niềm riêng, hẳn không ít người sẽ dễ tin chuyện tình Hàn - Hoàng từng diễn ra "ly kỳ mùi mẫn" y như sách báo và tuồng tích đã dày công... thêu dệt. Mức độ ngộ nhận càng tăng vì ngay cả người nhà cũng chẳng thấy Hoàng Thị Kim Cúc phản ứng gì trước bao đồn thổi, thị phi. Chính xác, như chúng ta đã biết, Hoàng Thị Kim Cúc có phản ứng chùng mịch, đúng người, đúng lúc, song chẳng đạt kết quả như nguyện. Trên một bài viết đăng trên tuần báo Văn nghệ số ra ngày 14 - 10 - 1995, Võ Đình Cường lý giải kỹ càng. "Những người có liên hệ mật thiết với Hàn Mạc Tử mà chị [Cúc] đã cho biết sự thật, và yêu cầu họ đính chính, thì họ đã không làm, hay làm ngược lại, gây thêm hỏa mù trong bối cảnh đã có nhiều sương khói làm mờ nhân ảnh. Chẳng hạn như ông Nguyễn Bá Tín, tác giả cuốn hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi xuất bản vào tháng 2 - 1991, sau bức thư của Hoàng Thị Kim Cúc gửi cho ông vào tháng 10 - 1987, nghĩa là sau gần 4 năm, nói rõ về tấm ảnh gửi Hàn Mạc Tử, là một tấm ảnh phong cảnh, thế mà ông Nguyễn Bá Tín lại viết: "Cho tới khi anh [Hàn] đau nặng rồi (1939), chị Cúc còn cho anh một phiên ảnh cỡ 6 x 9 [cm]: chị Cúc mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát. Anh làm ngay bài thơ Đây thôn Vũ Dạ...". Quan trọng hơn nữa, cái đoạn chị Kim Cúc kể chuyện chị đã không nhận thư và sách của Hàn Mạc Tử đem tặng, tác giả Hàn Mạc Tử anh tôi đã bỏ qua, không nhắc đến. Nhưng tác giả lại viết: "Nếu anh [Hàn] biết chị [Cúc] đã quy y, dành riêng một căn phòng ngày đêm hương hỏa tụng niệm, tưởng nhớ mối tình bất diệt của anh mà cũng là mối tình đầu của chị, đang quyện theo trầm hương dâng lên anh nơi miền cực lạc. Nơi đây không còn ngăn cách giáo lương, không còn tham sân si trần tục. Ôi! Tình Hoàng Hoa đậm đà biết chừng nào!" (...) Chị Kim Cúc có buồn

không, khi bị người ta vô tình hay cố ý lái cái mục đích cao quý trong sự tu hành của chị về phía tôn thờ một người khác tôn giáo mà chị chỉ có thể có cảm tình, chứ không yêu?".

Phân tích nội dung và nghệ thuật bài thơ Ở đây thôn Vỹ Dạ, đã thấy xuất hiện khối trường hợp "bàn rồi tính" nối tiếp "bình rồi...tán" đến là ỉ xèo! Ngang qua nhà Hoàng Thị Kim Cúc ở Vỹ Dạ (Huế), thấy hàng cau trồng nép bờ rào, có người chắt mâm cau Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên phải "mọc" từ đây (ảnh). Chỉ cần liếc sơ hình thấy mấy cây cau đó, cũng biết được rằng chúng mới được trồng mấy năm nay. Hồi trước, vào vườn nhà chị Cúc, chúng tôi chưa thấy cây cau nào. Ông Nguyễn Bá Tín cũng ghi Hàn Mạc Tử trong riêng tư (sdd, tr.118) rằng: Năm 1985, tôi về Huế ghé thăm chị Cúc (...), chị Cúc chợt hỏi: "Cậu có tìm được một cây cau nào trong vườn tôi không? Sao anh Trí lại nói đến hàng cau?". Lại có kẻ chưa một lần về thôn Vỹ mà vẫn bạo dạn khẳng quyết: "Mặt trước phía trên cổng nhà ở của quý tộc phong kiến ở đây [Vỹ Dạ] thường trang trí chữ điền đắp nổi. Điền, chữ Hán, có nghĩa là ruộng. Đó là biểu tượng của các gia đình quý tộc phong kiến: được nhà vua phong cấp ruộng đất theo cấp bậc và công trạng. Từ mặt trong câu thơ là mặt chữ chứ không phải là mặt người. Tác giả sử dụng phép ẩn dụ với nghĩa phái sinh như mặt bàn, mặt nước, mặt đường... Vậy câu thơ Lá trúc che ngang mặt chữ điền được hiểu là những chữ điền trên cổng các nhà quý tộc thấp thoáng dưới lá trúc. Cách hiểu này làm tăng giá trị của bài thơ..." (Bài Một cách hiểu khác về "mặt chữ điền" của Thang Ngọc Pho đăng trên tờ Tài hoa trẻ số 69 ra ngày 25 - 2 - 1999, tr. 12 - 13). Thú thật bản thân chúng tôi từng sống ở thôn Vỹ Dạ suốt thời gian dài mà không thấy cổng nhà ai đắp nổi chữ điền!

Quá quắt hơn là trường hợp suy diễn chủ quan: cô gái thôn Vỹ trở thành... kỹ nữ, khách đường xa biến ra khách làng chơi, thuyền ai đậu bến sông trăng trở nên buồng chứa nổi. Bằng lối gán ghép như thế, Lê Đình Mai qua bài Đây thôn Vỹ Dạ - một tiếng thơ dài đáng quý (báo Giáo viên nhân dân số đặc biệt tháng 1 - 1990) đã "phán" xanh rờn: "Ở chốn dâm ô này, những gì đẹp đẽ nhất, cao quý nhất của con người đều bị sương khói truy hoan lu mờ hết, hoen ố hết". Nhiều tác giả đã lên tiếng phản bác cách lập luận khiên cưỡng đó: chẳng ai phủ nhận trên dòng sông Hương trước đây có những điểm kinh doanh trò "ngủ đò tục" gần như công khai, song khu vực thôn Vỹ thì hoàn toàn khác.

Trên tập san Văn hóa và đời sống (NXB. TP. Hồ Chí Minh 1990), đề cập đến sự hạn chế trong một số bài viết về áng thơ Ở đây thôn Vỹ Dạ xuất hiện bấy nay Văn Tâm sơ bộ chỉ ra 4 nguyên nhân: thứ nhất là thói quen xã hội học dung tục; thứ hai là người nghiên cứu không am tường phong cách nghệ thuật của đối tượng mà mình tìm hiểu; thứ ba là mỹ cảm kém nhạy bén; thứ tư là thái độ tùy tiện, thiếu nghiêm túc trong khâu xác định và khảo chứng tư liệu...

Kỳ 9: MỘNG CẦM - NGÀY ẤY, BÂY GIỜ

Với Hàn Mạc Tử (HMT), có thể nói Hoàng Hoa là mối tình đơn phương thì Mộng Cầm là tình yêu "có qua có lại... nhưng chưa toại lòng nhau". Trong hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi (tłđđ, tr. 32-33), Thiện Nam Nguyễn Bá Tín viết: "Mối tình giữa hai người [Hàn và Mộng] đã có một thời sôi nổi trong giới văn nghệ sĩ, họ bàn tán theo cảm ý hay suy đoán của mỗi người. (...) Chưa ai biết rõ mối tình đó ra sao cả. Gia đình chị [Mộng Cầm] cũng không hề hé răng tiết lộ, dù là để thanh minh".

Thực tế, chính Mộng Cầm từng mấy lần trả lời phỏng vấn báo chí quanh mối tình lãng mạn của mình. Trên báo nguyệt san Phổ Thông số 63 bộ mới (Sài Gòn, 15-8-1961), nhà văn Châu Hải Kỳ đã ghi lại lời Mộng Cầm: "Năm ấy tôi 17 tuổi, học lớp nhất [tương đương lớp 5 bây giờ] trường Nam Phan Thiết. Tuy mới chỉ học lớp nhất, nhưng tôi rất ham văn chương. (...) Những bài thơ tôi làm ra toàn những bài thơ Đường luật, tôi đăng báo Công Luận trong Nam. Một hôm đến trường, tôi tiếp một bức thư do nhà dây thép [bưu điện] đưa lại. Đó là bức thư đầu tiên HMT gửi cho tôi. Trong thư, HMT tỏ ý cốt tìm cho biết đề giao thiệp trau luyện văn thơ. Tôi có gặp trên báo tên HMT đôi lần,

nhưng không biết HMT là ai, và cũng không biết bằng cách nào, HMT biết được địa chỉ của tôi. Vì lúc này, theo như bức thư gửi cho tôi, HMT đang làm Sở Đặc điền ở Quy Nhơn. Tôi bận học thi tiểu học, cho nên một tháng sau tôi mới trả lời. Bắt đầu từ đó, chúng tôi thường có thư từ đi lại với nhau (...). Chúng tôi giao thiệp như thế được chừng năm, sáu tháng thì tôi phải về Quảng Ngãi. Cuộc giao thiệp gián đoạn. Về Quảng Ngãi, tôi gặp một người bạn học cũ mới hay chính chị bạn tôi đã quen với HMT, đã giới thiệu tôi với Hàn và cho Hàn địa chỉ. Chị cũng cho biết HMT mới thôi làm Sở đặc điền, vào Sài Gòn viết giúp các báo Sài Gòn Mới [?] và Phụ Nữ Tân Văn. Ở Quảng Ngãi mấy tháng, tôi vào Phan Thiết. Tôi ra Mũi Né học "cô đỡ" [hộ sinh] với cậu tôi là ông L.Q.T. [Lê Quang Thuận, hiệu Tùng Khuê]. Tình cờ, đọc Sài Gòn Mới, cậu tôi thấy HMT nhấn trong mục thư tín: "Chị Mộng Cầm ở đâu, cho biết địa chỉ...". Ông mới hỏi tôi: "HMT là ai mà cứ nhấn hỏi cháu hoài, sao cháu không trả lời?". Tôi kể câu chuyện quen biết trong mục trau luyện văn chương cho cậu tôi nghe. Cậu tôi cho phép, tôi viết thư cho HMT. Thư từ đi lại mật thiết trong mấy tháng thì một chiều thứ bảy nọ, vào khoảng tháng tư, tháng năm, HMT ra Phan Thiết. Anh mượn tàu đi Mũi Né tìm đến bệnh xá. Tôi đang làm thuốc cho bệnh nhân, ông phu [y công] vào đưa cho tôi tấm danh thiếp trên có đề mấy hàng: HÀN MẠC TỬ - Chef Corcle d'Etude - Quynhon [?]. (...) Tôi đi ra thì thấy một thanh niên mặc âu phục xoàng xĩnh đang đứng ở cửa bệnh xá. Sau khi chào hỏi, tôi mời vào nhà, giới thiệu với cậu T. Cậu để cho chúng tôi tiếp chuyện tự nhiên. Kể ra, vào thời nam nữ cách biệt mà được như vậy cũng đã là tự do lắm. HMT xin cậu tôi, sẵn có đồ, cho phép tôi đi Phan Thiết chơi, luôn tiện nhờ tôi giới thiệu với Bích Khê [họ tên thật là Lê Quang Lương, em út của Lê Quang Thuận và là cậu ruột của Mộng Cầm] mà anh hằng ao ước tìm gặp. Cậu tôi bằng lòng. Và tối hôm đó, chúng tôi xuôi đò về Phan Thiết. Gặp hôm có trăng, nhưng chúng tôi không ngồi trên mũi thuyền để ngắm sông nước mà ngồi trên khoang để nói chuyện. HMT không đẹp, nhưng nhỏ nhẹ, dễ thương. Hồi này anh mới 24 tuổi [vào năm 1936], song trông người anh yêu tướng, tôi in trí thế nào anh cũng không thò. Nhờ ngọn đèn sáng dưới đó, tôi đã ngờ ngay từ hôm đó là anh có bệnh phong, hai trái tai anh hơi đỏ đỏ mà dày dày. Vì có học ở nhà thương nên tôi biết triệu chứng. Tuy vậy, tôi chưa dám chắc. (...) Đò đến Phan Thiết, tôi đưa HMT đến trường Hồng Đức [nay là nhà số 28 đường Trung Trắc, phường Đức Nghĩa, bên bờ sông Cà Ty], cậu Bích Khê tôi dạy tại đây. Ở đó suốt buổi sáng chủ nhật, chiều lại, anh đáp chuyến tàu suốt về Sài Gòn. Sau ngày ấy, cậu Bích Khê bảo tôi ra dạy ở trường Hồng Đức. Vì lẽ đó mà HMT ra vào thường, thứ bảy nào anh cũng có mặt tại Phan Thiết, chiều chủ nhật lại vào. Một dịp thứ bảy đi chợ lâu ông Hoàng, anh thổ lộ mối tình với tôi. Tôi trả lời anh: "Chắc rằng không thể đến chỗ làm bạn trăm năm được, tôi nói trước để anh đừng hy vọng". Anh hỏi lý do. Tôi viện lẽ tôn giáo khác nhau. Nhưng thật ra vì biết HMT mắc bệnh hiểm nghèo, không thể sống lâu được [?]. Ý tôi muốn một người chồng đẹp đẽ, tráng kiện... Tuy vậy, chúng tôi vẫn giao thiệp thân mật hai năm như thế. Trong thời gian này, có nhiều bức thư anh đề cập đến vấn đề hôn nhân. Tôi luôn luôn ngụy biện để từ chối..".

Nhà văn Châu Hải Kỳ ngắt lời bằng câu hỏi: "Bà không muốn đến hôn nhân, nhưng đối với HMT, có lúc nào bà cảm thấy yêu không? Và trong những cuộc tình giao du thân mật đã có lần nào thì sĩ tở thái độ suồng sã với bà chưa?". Mộng Cầm đáp: "Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình văn thơ. Còn xác thịt hoàn toàn không nghĩ tới. Cha mẹ đã cho giao thiệp tự do, chúng tôi phải giữ gìn cho xứng đáng. Và lại, lúc bấy giờ, tôi tuy đã lớn tuổi, nhưng vẫn còn khờ lắm...".

Trong cuốn HMT - hương thơm và mật đắng (sdd, tr. 124-125), Trần Thị Huyền Trang nêu ý kiến cùng chứng cứ: "Câu trả lời của Mộng Cầm khiến nhiều người có ý nghĩ: bà phủ nhận tình yêu của mình đối với HMT. Chính vì thế mà một lần thi sĩ Quách Tấn hỏi nhà thơ Bích Khê: "Mộng Cầm có yêu HMT thật sự chăng?". Bích Khê trả lời: "Không yêu mà chiều thứ bảy nào, Từ cũng ra Phan Thiết để cùng Mộng Cầm đi chơi với nhau cho đến chiều chủ nhật hôm sau mới vào Sài Gòn. Hai bên giao tiếp thân mật với nhau ngót hai năm trời mà nếu không yêu nhau thì chỉ có gỗ đá!". (...) Việc Mộng Cầm đi lấy chồng sau khi HMT ngã bệnh bị Bích Khê kịch liệt lên án. Thi sĩ Quách Tấn quan niệm việc Mộng Cầm đi lấy chồng là lẽ tất nhiên và nàng không đáng trách. Cái đáng trách của Mộng Cầm, theo ông, là ở chỗ từ chối một sự thật của lòng mình. Đây là lời thi sĩ Quách Tấn nói với một người bạn: "Tôi đã từng đọc thư Mộng Cầm gửi cho Từ. Nếu anh được xem bức thư

nàng gửi cho Tử năm 1936 lúc anh Mộng Châu bị tai nạn mất ở Phú Yên, chỉ xem một bức thư ấy thôi, thì anh cũng có thể đo được mức thiết tha của tình yêu đôi bên... Thôi nàng đã có chồng rồi, nhắc lại không hay ho gì".

Bức thư ấy vốn đã được Trần Thanh Mai công bố từ năm 1942 trong chuyên luận Hàn Mạc Tử (sdd) với nguyên cả đoạn như sau: "Lê Thanh [một bút danh của Hàn] anh ơi! Em không thể ra tận ngoài ấy để đưa linh cữu (ông anh cả) về nơi an nghỉ cuối cùng. Vậy anh cho phép em thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh, nghe anh. Ở trên mây từng mây, vong linh của ông anh cả nếu có linh thiêng, nên nhận người đang cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu...".

Nếu xét kỹ lời Mộng Cầm thuật với nhà văn Châu Hải Kỳ, bạn đọc hẳn thấy người thực nữ sanh giữa thời vô thượng vì những lý do tế nhị nên lúc đó không khẳng định thẳng thắn các câu hỏi của người phỏng vấn, song cũng chẳng phủ nhận hoàn toàn nghĩa cũ tình xưa. Còn bây giờ, có lẽ thời gian và hoàn cảnh đủ cho phép người trong cuộc thoải mái "bật mí" nhiều điều? Nghĩ vậy nên chúng tôi tìm về Phan Thiết để tìm gặp Mộng Cầm vào đầu Xuân Tân Ty 2001, nhờ sự dẫn đường của nhà giáo Nguyễn Hùng Việt - con rể bà.

Tại nhà riêng ở thôn Xuân Phong, xã Phong Nẫm, ngoại thành Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, bà Mộng Cầm tỏ vẻ rất niềm nở khi tiếp chúng tôi. Bà nói rất rành mạch:

- Tôi sinh ngày 17 - 7 - 1917 ngoài Nghệ An, nhưng quê quán Quảng Ngãi. Tính ra đã 84 tuổi rồi. Tuy vậy, chỉ khó khăn việc di chuyển, đi đứng phải chống gậy, phải nhờ người dìu, chứ tôi ăn ngủ vẫn khỏe, đọc viết vẫn tốt, trí óc vẫn minh mẫn. Mộng Cầm là bút hiệu mà nhà thơ Bích Khê, cậu Chín của tôi, đặt cho tôi hồi tôi tập tễnh làm thơ đăng báo. Họ tên thật của tôi là Huỳnh Thị Nghệ, chứ đâu phải Lê Thị Nghệ như có sách đã viết sai [chuyên luận Hành trang cho thơ và sự trở lại chính mình của HMT của Vũ Hải - sdd, tr.115]. Ngoại tôi mới họ Lê. Bên nội tôi họ Huỳnh. Cha tôi là Thị độc học sĩ Huỳnh Quang Lâm đó...

Nhắc đến mối quan hệ với Hàn, bà cười:

- Có những chi tiết, sách báo lâu nay viết chưa đúng hoặc chưa đủ. Mà thôi, nào có hề gì! Chỉ tiếc những kỷ vật của Hàn đều mất sạch vì thời cuộc, dù tôi cố giữ kỹ. Đó là toàn bộ thư từ Hàn đã gửi cho tôi, gồm 41 lá cả thảy. Thư nào anh cũng kèm theo 1 -2 bài thơ. Nhiều bài nay tôi vẫn thuộc lòng. Đó là còn tập thơ Gái quê của Hàn in năm 1936, có chữ anh đề tặng tôi. Nhớ khi tập Gái quê mới in xong, tôi đang về Quảng Ngãi, anh từ Quy Nhơn đem ra mấy chục quyển, nhờ tôi bán giùm. Giá bìa tập thơ đề "3 cắc 6", tôi chào bán 3 cắc rưỡi, cho mau. Biết chuyện, Hàn cười: "Anh bán thơ chứ đâu bán giấy!".

Chúng tôi hỏi về bức thư Mộng gửi Hàn năm 1936 mà Trần Thanh Mai từng trích dẫn thì bà gật đầu thừa nhận và tiếp:

- Yêu nhau, lứa đôi nào cũng muốn nên chồng nên vợ. Nhưng trong đời, đâu phải ai cũng "muốn là được".

Được biết, bà Mộng Cầm trải qua hai đời chồng. Người chồng đầu là ông Nguyễn Thới, nhà giáo có với bà 3 mặt con (2 trai, 1 gái, con trai cả là Nguyễn Đình Thiết sinh năm 1938). Chồng đầu mất, bà tái giá với ông Hồ Lộng Địch, nhà sản xuất và kinh doanh, sinh được 4 người con (3 gái, 1 trai).

Trước lúc chia tay chúng tôi, bà chép tặng bài thơ Chan chứa của bà như khẳng định mối tình Hàn - Mộng:

Cả năm chỉ có một lần xuân
Nhưng với lòng em xuân mỗi tuần
Thơ thấm tâm hồn hoa nở nhụy
Cạn dòng tâm sự được bao lần.
Em cứ tưởng rằng em với anh
Như hình với bóng dưới màn đêm
Hoàng hôn đã khóc niềm chung thủy
Đau đớn tình anh khăng khít thêm
Cho nên không thể nói không yêu
Mà nói rằng yêu, yêu rất nhiều
Trời đất ngập tràn thơ vĩnh biệt
Lòng em chan chứa biết bao nhiêu.

Tham quan những thắng tích ở Phan Thiết như Mũi Né, lầu ông Hoàng, chùa Ông, Bia Đài - Những điểm xưa kia Hàn và Mộng từng lưu dấu, chúng tôi sức nhớ hình ảnh so sánh do nhà thơ Chế Lan Viên đưa ra khi đề cập về những mối tình của Hàn: "Người này cho anh ân nghĩa, người kia cho anh vết thương, và chính từ vết thương mà con trai đáy bể làm ra viên ngọc" (trích lời tựa tuyển tập Thơ Hàn Mạc Tử do Sở Văn hóa - Thông tin Nghĩa Bình xuất bản năm 1987). Bao chuỗi - ngọc - thơ lấp lánh của Hàn đã kết tinh từ vết - thương - tình mang tên Mộng Cầm:

Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa đã, mến chưa bura
Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi hóa đại khờ
(Những giọt lệ)

Kỳ 10: TIÊN NỮ VU SƠN

Ấy là điển cổ mà Hàn Mạc Tử dùng trong bài thư Thăm thiết viết về Mai Đình:

...Đây Mai Đình, tiên nữ ở Vu Sơn
Đem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt
Nàng! Ôm nàng! Hai tay tra ghi chặt
Cả bài thơ êm mát lạ lòng thay!
Ta là người uống muôn hận sâu cay
Nàng là mật của muôn tuần trắng mật
Ôi khoái chá thấm dần vô the chặt
Hồn trong xương, ảnh hưởng đến mê toi!
Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời
Mai! Mai! Mai! Là Nguyệt Nga tái thế...

Mai Đình có họ tên thật là Lê Thị Mai, sinh năm Đinh Ty 1917 (cùng tuổi với Mộng Cầm) tại quê nhà - xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa - trong một gia đình quan lại. Nàng còn có một bút danh khác là Ngọc Mai. Trần Thanh Mai qua chuyên luận Hàn Mạc Tử (sdd), đã ghi nhận: "Mai có học, viết quốc ngữ thông, nói tiếng Pháp được, làm thơ hay, có nhiều bài đăng báo". Còn trong hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi (sdd), Nguyễn Bá Tín viết: "Khác với những mối tình âm thầm kín đáo hoặc dè dặt của Hoàng Hoa, của Mộng Cầm, chị Mai Đình là nhiều yêu thơ cũng như yêu con người phung cùi đó [Hàn] một cách ồn ào và sôi nổi nhất. Thơ của chị cảm ứng với Hàn Mạc Tử rất nhiều".

Tháng 11 - 1992, tại buổi tưởng niệm nhân 80 năm ngày mất Hàn thi sĩ được tổ chức ở Nhà văn hóa

Lao đông TP. Hồ Chí Minh, chúng tôi mới gặp nữ sĩ Mai Đình. Lúc này, tuy tóc bạc như cước, da đã đồi mồi, song bà vẫn còn nhanh nhẩu, quắc thước. Điểm nổi bật nơi bà mà nhiều người nhận ra khi tiếp xúc là Mai Đình luôn...say mê thi ca và luôn hoài cảm đến Hàn. Ghé thăm nhà riêng của bà ở quận Bình Thạnh, chúng tôi thực sự ngạc nhiên bởi phát hiện thêm đôi điều đặc biệt. Chẳng hạn chuyện gia thất, Mai Đình với Mộng Cẩm lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên: cả hai, ai cũng trải qua hai đời chồng. Vì hoàn cảnh run rủi, sau khi Hàn mất, Mai kết hôn với Lưu Quốc Hùng (tức Trần Hùng) - một người Việt gốc Hoa và là tay vợt từng đoạt giải vô địch bóng bàn Đông Dương. Ông chồng họ Lưu mất năm 1977. Sau đó, bà sống chung với ông Phan Liên (sinh năm 1913) - người gốc Huế và tập kết ra Bắc, cùng làm cán bộ Ngân hàng Nhà nước TP. Hà Nội với bà. Mặc dù chồng con đề huề, song trong phòng riêng của mình, Mai Đình vẫn lập...án thờ Hàn Mạc Tử một cách trang trọng! Bà tâm sự:

- Hàn mất, thấm thoát đã hơn nửa thế kỷ. Vậy mà lúc nào tôi cũng tưởng anh còn sống. Dù ở đâu, miền Bắc hay miền Nam, tôi hằng nghĩ tới anh, làm thơ về anh.

Đây là bài Nụ hôn không thành do Mai Đình sáng tác năm 1992 ấy. Vĩ chưa biết trước tác giả, hẳn bạn đọc khó ngờ những dòng lục bát "ngùn ngụt lửa tình" này là của một...bà lão 75 tuổi:

Nụ hôn em đã sẵn sàng
Hôn anh cho thật nồng nàn say sưa
Bao nhiêu tháng đợi năm chờ
Nụ hôn hẹn đến bao giờ anh ơi?
Bệnh anh ngày một thêm bồi
Yêu em không nỡ để đời em lây
Ngày qua ngày lại qua ngày
Hôn anh, em gửi gió mây hôn giùm.

Tìm hiểu cuộc đời "nhiều nổi truyên chuyên" của Mai Đình, chúng tôi càng ngạc nhiên trước một số phận lạ kỳ của một phụ nữ đầy cá tính. Riêng mối quan hệ Hàn - Mai, vì nhiều lý do, không ít sách báo lâu nay đã dựng lên lắm chi tiết mâu thuẫn, sai thực tế. Và cũng có hàng loạt chi tiết mà đến giờ hầu như rất kẻ am tường, ngay cả bản thân của bà.

Bước vào tuổi thiếu nữ, Lê Thị Mai mê đọc sách, ngâm thơ. Nàng thường theo bố dự các buổi xướng họa thất ngôn, ngũ ngôn. Ngờ đâu, sự cố oái ăm ập tới. Một ông bạn đồng liêu của bố, từ lâu để ý nàng, ngỏ lời cầu hôn. Song thân ưng thuận, nhưng nàng phản đối: "Không yêu, lấy nhau sao được?". Làm thân con gái thời đó mà dám phát biểu thế, bị xem là quá quắt. Mặc, cha mẹ cứ ép gả. Ngày gia đình tung bừng sửa soạn lễ vu quy, Mai lẳng lẳng xách valy, trốn nhà ra đi. Rời Thanh Hóa, nàng trôi dạt vào Nam, mặc gió đời xô đẩy: Huế, Đà Nẵng, Kontum, Gia Lai, Nha Trang, Phan Thiết... Rồi nàng dừng chân ở Sài Gòn, mưu sinh bằng cách dạy nữ công gia chánh cho một vài trường trung học. Ít người biết rằng ngoài việc dạy học Mai còn tranh thủ "cải thiện kinh tế" bằng con đường buôn bán vàng bạc, đá quý. Cũng nhờ con đường đó mà nàng có dịp đặt chân tới Phnom Penh, thủ đô Campuchia.

Lê Thị Mai kinh doanh khéo. Song, đam mê lớn nhất của nàng vẫn là văn chương. Lần nọ, tình cờ đọc bài thơ Thức khuya (còn có tiêu đề khác là Đêm không ngủ) của Phong Trần tức Hàn Mạc Tử đăng trên tờ báo nọ, nà bắt đầu chú ý đến ngòi bút "đồng điệu" kia. Dò hỏi, biết Hàn đang phụ trách trang văn chương cho nhật báo Sài Gòn, nàng bèn quyết định gửi ít bản thảo thơ mình tới tòa soạn, hy vọng sẽ lọt vào "mắt xanh" của thi nhân.

Chẳng rõ đôi mắt Hàn...màu gì: chàng chọn đăng thơ Mai Đình và định ninh rằng đây là tác phẩm của một đáng...mày râu! Đến khi Lê Thị Mai ghi rõ "cô Mai Đình" trong bản thảo tiếp theo, Hàn mới ngăn người: "Chà chà! Té ra con gái!". Giai đoạn này, thân phụ nàng thuyên chuyển vào làm

Tòa sứ Phan Thiết. Nàng vẫn trú tại Sài Gòn, thỉnh thoảng mới ra Bình Thuận thăm bố. Còn Hàn, như chúng ta đã rõ, sau một thời gian làm báo ở Sài Gòn thì quay về Quy Nhơn, xuất bản tập thơ Gái quê (1936), thực hiện giai phẩm Nắng xuân (1937), kể đó là phát bệnh nan y. Hãy nghe Mai Đình hồi tưởng:

- Năm 1937, tôi ra Thanh Hóa thăm quê rồi đáp ô tô vào Phan Thiết vẫn an thân phụ. Trên xe, nghe khách đồng hành trò chuyện văn chương. Họ nhắc nhiều về Hàn Mạc Tử. Lúc ấy, tôi mới hay thi sĩ đang ở Quy Nhơn. Tôi bỗng quyết định ghé thị xã để thăm anh. Nhưng, một cô gái xa xôi mà dùng dùng tự tìm tới một người con trai chưa hề gặp mặt, quả chẳng tiện chút nào. Chợt nhớ rằng ở Quy Nhơn, tôi có một bạn thơ. Đó là Trần Thống, tức Trần Kiên Mỹ, Vợ chồng anh Thống rất mê tôi, đón tiếp ân cần. Nhưng khi nghe tôi hỏi địa chỉ Hàn và nhờ đưa đến thăm, thì vợ chồng anh Thống cho biết số nhà 20 Khải Định và thành thật khuyên tôi...chớ lai vãng vì thi sĩ bị bệnh cùi! Dẫn đo mãi, tôi tới một mình. Tiếp tôi là Nguyễn Bá Hiếu, em ruột Hàn. Còn Hàn đang nằm trong buồng kín. Qua Hiếu, Hàn nhắn rằng anh rất cảm kích đối với việc tôi ghé thăm, nhưng rất tiếc, anh bệnh, không tiếp được. Tôi ra về, lòng ngùi thương cảm. Chiều tối, tôi chuẩn bị ra ga đón tàu vào Nam thì anh Nguyễn Minh Vỹ tìm trao cho tôi tập gái quê có dòng chữ đề tặng của Hàn. Tôi xúc động quá! Lên tàu, tôi đọc một mạch hết tập thơ, càng cảm mến anh. Sẵn giấy bút, tôi làm ngay bài Biết anh, bài thơ đầu tiên tôi viết về Hàn...

Nhiều tác giả, trong đó có nhà thơ Quách Tấn, vẫn cho rằng Mai Đình đọc xong Gái quê liền chuyển từ tình cảm quý mến thành tình yêu đối với Hàn. Điều này, theo người trong cuộc thì chưa chính xác. Mai Đình kể tiếp:

- Tàu đến Nha Trang, tôi xuống tìm nhà Quách Tấn. Tôi với anh Tấn biết nhau từ trước. Gặp lại, cả hai đều mừng. Tôi kể chuyện tôi ghé Quy Nhơn thăm Hàn và khoe tập thơ mà Hàn mới tặng tôi. Anh Tấn bảo rằng Hàn cũng đã tặng anh một tập, nhưng một người bạn đang mượn, mà anh cần viết bài về thi phẩm này nên đề nghị tôi cho anh tạm dùng ít hôm. Tôi bằng lòng, đưa sách cho anh, quên bẵng có bản thảo Biết anh kẹp trong sách. Quách Tấn chép bài thơ tôi, gửi cho Hàn. Không lâu sau đó, Hàn đáp lại bằng bài thơ Lưu luyến rất tuyệt:

Chửa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn anh theo dõi bóng em đi
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió
Lưu luyến bên em chẳng nói gì...

Mai Đình khẳng định:

- Đây, tôi "chết" vì bài thơ này đấy! Kể từ đó, tôi với anh thường xuyên liên lạc thư từ gần bó như một cặp tình nhân.

Nội dung câu chuyện Mai Đình thuật lại cho chúng tôi nghe, sau đó được bà lặp lại y hệt trên báo Phụ nữ Việt Nam số 28 ra ngày 11 -1 - 1994. Tuy nhiên phối kiểm các nguồn tư liệu, chúng tôi nhận thấy trong lời kể của Mai Đình cũng tồn tại một số chi tiết hoặc cần chỉnh lý, hoặc nên hồ nghi. Xin dẫn vài đoạn trong bào báo vừa nê: "Đầu năm 1939 tôi mới có dịp ra thăm anh. Lại tìm đến nhà anh ở 20 đường Khải Định (...). Anh không còn ở đấy nữa. Bệnh cùi tàn phá cơ thể anh, vì trùng đã ăn lên đến mặt [?] (...). Chính quyền thành phố ra lệnh bắt đưa anh vào bệnh viện cùi Quy Hòa [sự thật không đúng thế!] (...). Thương anh, gia đình giấu anh ở một nơi kín đáo dưỡng bệnh, đó là Gò Bồi. Gò Bồi nằm phía tây thành phố Quy Nhơn, một khu cát rộng, trên đó là những túp lều cỏ sơ sài của những người nghèo khổ bần cùng đói rách [theo mô tả thì địa điểm này là xóm Động chứ chẳng phải Gò Bồi] (...). Tôi xin phép bà cụ [bà Duy - mẹ của Hàn] ra thăm Hàn Mạc Tử, cụ bằng lòng và một chú bé [tiểu đồng Phạm Hành] dẫn tôi ra Gò Bồi. Đến trước túp lều tranh xơ xác xiêu vẹo, chú bé bảo tôi dừng lại. vén tấm màn che cửa, chú bé bảo tôi chui vào. Một người đàn ông nhỏ bé, gầy

yếu, ngồi trên chiếc giường chõng, cạnh bàn viết. Bàn là một tấm gỗ thùng đặt trên khung chân cũ. Người đàn ông ngược đôi mắt đen sáng long lanh nhìn tôi dò hỏi. Tôi đứng lặng đi. Hàn Mạc Tử đây ư? Thật xa lạ với một thi sĩ mà tôi hằng mộng tưởng. Anh ốm yếu, tàn tạ, da mặt sần sùi, chỉ còn đôi mắt làm tôi sửng sốt: sáng như hai ngôi sao, đậm thắm, thông minh và có sức cảm dỗ kỳ lạ. Từ đôi mắt ấy như toát ra thứ ánh sáng huyền diệu khiến tôi bỗng thấy thương yêu anh vô cùng. Tôi nhìn xoáy vào mắt anh, nói nhỏ chỉ đủ anh nghe: Em là Mai Đình đến thăm anh đây... Vâng, Mai Đình đây! (...). Phút xúc động lắng xuống, chúng tôi bình tĩnh ngồi xuống tâm sự với nhau. Càng trò chuyện càng tâm đầu ý hợp (...). Từ đây, cứ mỗi lần thu xếp được công việc, tôi lại từ Sài Gòn ra thăm anh, cố gắng được gần anh nhiều hơn. Vốn liếng tư trang chẳng đáng bao nhiêu, tôi cũng bán đi để có chút tiền đem ra chăm sóc anh. Chúng tôi ngồi suốt ngày đàm đạo, làm thơ xướng họa (...), những bài thơ chúng tôi cùng làm, bài nào cũng đạt dào xúc cảm. Tôi chép vào một tập. Hàn Mạc Tử bảo tôi đặt tên. Tôi đặt là Đôi hồn. Hàn Mạc Tử gật đầu bằng lòng. Có thể nói chúng tôi yêu nhau say đắm. Nhưng đó là mối tình hoàn toàn trong sạch. Trọng nhau về tài, cảm phục nhau về thơ mà yêu chứ thậm chí cầm tay nhau cũng không. Lần đó ra thăm, bệnh tình anh càng nặng hơn, sức khỏe suy sụp, nhìn anh tôi không cầm nổi nước mắt. Tôi bảo với anh hay là anh cứ đi bệnh viện Quy Hòa, tôi sẽ nghỉ việc, theo anh ra đó săn sóc chăm nom. Anh lắc đầu nói rằng anh không muốn tôi phải khổ vì anh (...). Hôm sau, tôi chia tay anh, trở về Sài Gòn. Và tôi đâu có ngờ rằng đó là lần cuối cùng giữa hai chúng tôi (...). Ngày 11-11-1940, anh qua đời. Được tin ấy tôi vô cùng đau đớn, xót xa ân hận vì đã không săn sóc được anh, phút anh lâm chung không có tôi bên cạnh. Tôi chỉ còn biết thu xếp hành lý ra Quy Hòa viếng mộ anh [vào năm 1941]. Ngồi bên nấm mồ khói hương nghi ngút mà lòng tôi tan nát vì thương nhớ!".

Như vậy, sau khi Hàn nằm chết như trăng thì Mai Đình chính là nàng tiên đầu tiên đến khóc bên phần mộ. Theo ông Nguyễn Bá Tín thì cả gia đình Hàn, ai cũng quý mến Mai Đình. Bức xúc trước những lời đơm đặt quanh mối tình Hàn - Mai, chị ruột của Hàn là Nguyễn Thị Như Lễ phải lên tiếng trên tạp chí Lãnh Mạnh số ra ngày 1-11-1959: "Cô Mai có đến thăm Từ mấy bận nhưng Từ không tiếp. Sau, anh Tấn [nhà thơ Quách Tấn] và chị em chúng tôi khuyên Từ, Từ mới chịu ra ngồi nói chuyện với cô Mai mấy lần. Những lần nói chuyện, đều có chị em chúng tôi. Nói chuyện đường hoàng. Chúng tôi không hề thấy chuyện bịt mắt bịt mũi chi cả. Nhưng tại sao Từ bảo cô Mai bịt mắt mới được chứ? Từ tuy mắc bệnh nguy nghèo, song mặt mũi không đến nỗi hèn nhút, cũng không lờ lỏi. Nơi má trái của Từ chỉ nám một vạt lớn mà thôi. Vậy Từ có ghê tởm gì mà tự hạ mình quá thế?! Còn việc cô Mai ở nhà chúng tôi hai tháng để nuôi Từ là một điều láo toét. Cô Mai có một lần đến thăm Từ và xin phép bà thân chúng tôi ở chơi với chúng tôi hai ngày. Chỉ có một lần ấy mà thôi, còn các lần khác thì chỉ ngồi nói chuyện một vài giờ rồi đi. Hàn Mạc Tử mất được hai tháng thì cô Mai đến Quy Nhơn có ghé thăm bà thân chúng tôi. Cô ta đi với một em bé gái. Từ ấy chúng tôi không gặp lại. Lúc nào gia đình chúng tôi cũng đối đãi như một người khách và cô đối với chúng tôi cũng không có gì ngoài khuôn phép".

Trên tuần báo Rạng Đông số kỷ niệm thi sĩ Hàn Mạc Tử (xuất bản tại Huế ngày 15-11-1958, tr.16 - 17), tác giả Nguyễn Thị Hiền viết bài Những người đàn bà đã kinh qua đời sống của Hàn Mạc Tử với cả đoạn cú như...phim truyện: "Năm 1937, Hàn Mạc Tử gặp nàng Lê Mai [?!], tức Mai Đình nữ sĩ (...) Bệnh của nàng đã đến thời kỳ trầm trọng, gia đình lại nghèo nàn, nhưng cái đó có hề chi, khi một tình yêu đã đến. Thế là hai người lấy nhau [!]. Tuần trăng mật không kéo dài. Lần này không phải lỗi ở người con gái như lần trước; lần này lỗi tại Hàn (...). Thật là mỉa mai! Người yêu thi sĩ tha thiết là Mai Đình nữ sĩ lại không gây cho chàng một cảm hứng nào để làm thơ [?!], trái lại, người phụ bạc thi sĩ là Mộng Cầm thì lại là một thi đề phong phú của thi sĩ. Thế mới biết yêu nhà thơ chưa chắc đã lợi cho thơ, mà làm cho thi sĩ đau khổ chắc chắn không phải là tội lỗi [!]"

Nguyễn Thị Như Lễ rất bức dọc, phê phán Nguyễn Thị Hiền đã "đi quá trớn" đến độ "xuyên tạc" (tlđd). Vậy nhưng, chẳng hiểu sao có sách in gần đây vẫn lặp lại "vết xe đổ" ngày trước. Như cuốn Hàn Mạc Tử nhà thơ siêu thoát của Thế Phong (NXB Đồng Nai 1998) gồm 6 chương thì dành hẳn một chương Nữ sĩ Mai Đình với những dòng: "Và nàng [Mai Đình] tuyên bố, Hàn như là chồng

chính thức; nàng bước vào đời Hàn như một người vợ [?!] (...). Nếu để Mai Đình gặp, nàng sẽ nhận ra được khuôn mặt ghê tởm bệnh hoạn (...). Vì thế, Hàn Mạc Tử đành bịt mắt, cấm không cho Mai Đình được tìm cách trông thấy [!]..." (tr.19 - 20).

Một điểm khác đáng được lưu ý: sau khi Hàn mới từ trần, chính Mai Đình là một trong những người đầu tiên nuôi ý định tập hợp tác phẩm của Hàn để ấn hành. Qua hồi ký Hàn Mạc Tử anh tôi (sdd), Thiện Nam Nguyễn Bá Tín xác nhận: "Mùa thu năm 1942, chị Mai Đình lên Đà Lạt, nhắn tôi xuống nhà ga xe lửa gặp chị. Tối hôm đó, ngồi ở bàn cà phê, chị nói với tôi rất nhiều về chuyện in thơ Hàn Mạc Tử..."

Nhà thơ Hoàng Diệp thuở sinh tiền có lần phát biểu:

- Cuối năm 1946, tôi gặp lại Mai Đình ở thành Vinh (Nghệ An). Nàng vẫn nhắc Hàn với tấm lòng tha thiết. Trong tất cả phụ nữ đã đi qua đời Hàn, duy chỉ Mai Đình là người yêu Hàn sâu đậm nhất, mãnh liệt nhất, bền chặt nhất.

Nữ sĩ Mai Đình từ trần tại TP. Hồ Chí Minh lúc 4 giờ sáng ngày 16-10-1999, nhằm ngày mùng 8 tháng 9 năm Kỷ Mão, hưởng thọ 82 tuổi. Những ngày tháng cuối đời, bà luôn nhắc đến Hàn với nỗi niềm tóc trắng tình xanh mộng chữa tàn...